

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 35

Thiên thứ 30: PHÁP PHỤC

Thiên này có sáu phần: Thuật ý, Công năng, Hội danh, tế nạn, Cảm báo và Vi tổn.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói rằng ca sa là y phục của phước điền, giống như tháp Phật tôn kính, Nê Hoàn Tăng là y khoác trên thân người xuất gia, tôn trọng giống như giáo pháp. Y gọi là Tiêu Dũ, chọn lấy công năng loại trừ hết phiền não, khải gọi là Nhẫn Nhục, chọn lấy công năng hàng phục các ma quân. Cũng dụ cho hoa sen, không bị bùn dơ làm vấy nhiễm, cũng gọi là tướng cột đá, không bị các tà ma làm nghiêng ngã. Cũng gọi là tướng cửa thừa ruộng, không bị người trông thấy sinh ra ác tâm. Cũng gọi là y phục cứu giúp loài Rồng, không bị Chim cánh vàng ăn thịt. Cũng gọi là y phục chế ngự tà ma, không bị ngoại đạo làm cho hư hoại. Cũng gọi là màu sắc không đích thực, không bị thế tục vấy nhiễm làm cho tham đắm. Vì vậy giáo có phân biệt về nội ngoại, người có khác nhau về đạo tục. Tại gia thì căn cứ vào ngoại giáo, mặc pháp phục của Tiên Vương, thuận theo pháp ngôn của Tiên vương, trên thì có lễ nghi cung kính cha mẹ, hầu hạ quân vương, dưới thì có tình cảm yêu thương vợ con, rạng danh họ hàng. Đây gọi là dấu chân của lòng cung kính hiền thuận, lý phù hợp với luật lệ của Nho giáo. Xuất gia thì căn cứ vào nội giáo, mặc pháp phục của chư Phật, thực hành pháp hạnh của chư Phật, trên thì xả bỏ quân vương- cha mẹ mà chú trọng yêu thương cung kính, dưới thì cắt rời vợ con dòng tộc chỉ mong muốn quan quyền rạng rỡ, dùng thiện nghiệp của sự lễ tụng tự mình giúp đỡ cha mẹ, đem phước báo của sự hành đạo để trả ân nặng quốc gia. Đã đồng ý không vì hình hài y phục khác biệt mà làm sai trái, lẽ nào phải đòi hỏi dùng lễ nghi của sự cung kính cha mẹ- hầu hạ quân vương hay sao? Vì vậy, lúc cạo tóc thì Thiên ma nghe mà từ xa đã kinh hãi, ngày khoác y thì Đế Thích thấy mà lòng

hoan hỷ vô cùng. Người nữ đùa vui tạm thời khoác vào mà phước vô lậu lập tức đầy đủ, người say mơ màng cắt bỏ chốc lát mà duyên xấu ác tức thì rời bỏ, rộng con dựa vào mà chấm dứt kinh hãi, voi chúa trông thấy mà luống cuống dừng lại. Vì vậy biết ba chiếc pháp y dùng để che thân, ba loại sắc kèm chế ái tình nhân ngã; đã giống như ruộng lúa, tự thành tựu đức của Ứng Cúng; xa giống như chư Phật, thật sự theo đạo của Hòa Kính. Xuất trần thoát tục có gì cao quý như điều này chăng?

Thứ hai- PHẦN CÔNG NẮNG

Như Kinh Hoa Nghiêm nói: “Khoác chiếc ca sa là Sa lia ba độc”. Lại trong kinh Đại Bi nói: “Nhưng giả sử tánh là Sa-môn, làm bản hạnh của Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, thì hình tướng giống như Sa-môn khoác tấm ca sa, từ Phật Di-lặc cho đến Phật Lô-Chí đã được nhập Niết-bàn cũng không có gì sai sót”.

Còn trong kinh Bi Hoa nói: “Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xưa kia vào thời quá khứ ở trước đức Phật Bảo Tạng phát tâm Bồ-đề, nguyện rằng lúc con thành Phật, khiến cho ca sa của con có năm loại công đức:

1- Lúc con thành Phật rồi, nếu có chúng sinh nào tiến vào trong giáo pháp của con xuất gia khoác ca sa, hoặc là phạm vào giới cấm nghiêm trọng, hoặc là phạm vào tà kiến, hoặc là đối với Tam bảo mà khinh thường hủy báng không tin, tụ tập các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu bà tắc-Uu bà di phạm tội nghiêm trọng, nếu ở trong một niệm sinh tâm cung kính tôn trọng Phật Pháp Tăng. Chúng sinh như vậy thậm chí một người nhất định sẽ thọ ký cho ở trong Tam Thừa đạt được bất thối chuyển.

2- Lúc con thành Phật rồi, Trời Rộng Quý Thân- người và loài chẳng phải người, nếu có thể đối với người mặc cà sa này, khởi tâm cung kính cúng dường- tôn trọng ca ngợi, người ấy nếu có thể thấy một phần ít của chiếc Ca sa của chiếc ca sa này, liền được bất thối chuyển ở trong Tam thừa.

3- Nếu có chúng sinh bị đói khát bức bách khổ, hoặc là quỷ thần nghèo cùng hay những người hèn hạ, thậm chí ngã quỷ súc sanh, nếu có được một phần ít thậm chí bốn tấc của chiếc ca sa này, thì người ấy liền được ăn uống đầy đủ, tùy những nguyện ước của mình nhanh chóng được thành tựu.

4- Nếu có chúng sinh cùng nhau làm điều sai trái, dấy lên ý nghĩa chống đối thù hận chuyển sang đánh giết lẫn nhau, nếu lúc các loài

Trời rỗng- tám bộ quý thân- người và loài phi nhân cùng nhau tranh đấu, nghĩ đến ca sa này lập tức sinh khởi Bi Tâm, tâm mềm mỏng, tâm không oán thù, tâm vắng lặng rỗng rang, tâm khéo léo điều phục.

5- Nếu như có người ở trong chiến trận- tranh giành kiện tụng- phân định sự việc, mang một phần ít Ca sa này đến giữa những nơi ấy, để tự bảo vệ mình. Bởi vì cúng dường cung kính- tôn trọng ca sa, cho nên những hạng người này không thể nào xâm phạm hủy báng đàn áp khinh thường được, luôn luôn hơn hẳn người khác- vượt qua những khó khăn này. Nếu như ca sa của con không thể nào thành tựu năm loại công đức linh thiêng như vậy, thì trở thành lừa dối chư Phật hiện tại khắp mười phương thế giới, ở đời vị lai không thành tựu Bồ-đề làm một vị Phật”.

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu có chúng sinh trì giới tín tâm thanh tịnh, biết Tăng là phước điền, bởi pháp y cho nên bố thí một quả cây có giá trị làm thành tám y, tâm luôn luôn yêu thích mà sinh ra tùy hỷ, mạng chung sanh đến cõi Trời Lâm Hỷ, tự tại dạo chơi tùy ý đến nơi muốn đến. Nếu sanh trong loài người thì thân đức tự tại. Nếu có chúng sinh tâm phát sinh niềm tin thanh tịnh, vị Tỳ-kheo Tăng vá nhuộm sửa sang ca sa pháp phục, mạng chúng sinh lên cõi Trời Thái Địa, cùng với các Thiên nữ hưởng thụ năm dục vui sướng, ăn uống toàn là cam lộ không có gì say mê tán loạn, từ cõi Trời mạng chung được làm thân người, mọi người đều kính mến”.

Thứ ba- PHẦN HỘI DANH

Như kinh Đại Phương Đẳng Đà La Ni nói: “Đức Phật dạy: Nếu hưởng đến đạo tràng, nên như pháp Tỳ-kheo tu tập các hạnh thanh tịnh, có đủ ba y-tích trượng-lọc nước-bình bát-tọa cụ. Người thực hành nên giữ đúng như vậy, đến nơi đạo tràng đúng như pháp của Tỳ-kheo Tăng.

Đức Phật bảo với A nan: Y có ba loại, một là y của người xuất gia, làm theo cách thức chuẩn mực của ba đời chư Phật, hai là y phục sử dụng thông thường, khiến cho đệ tử của ta lúc đến đạo tràng nên mặc y phục như nhau, thường tùy theo thân không xa rời, nếu rời y này thì phạm tội chướng ngại đạo; ba y là y phục hành đạo, đầy đủ như y phục sử dụng thông thường, mang đến đạo tràng, thường dùng để đứng-ngồi tùy lúc. Tên gọi ấy như vậy, ông nên tiếp nhận giữ gìn”.

Trong Tát-bà-đa Luận hỏi rằng: “Đức Phật có thường cạo tóc hay không? Đáp rằng: Không như vậy, tóc đức Phật thường giống như tóc

cao, sau mỗi lần bảy ngày. Lại hỏi rằng: Lúc Đức Phật mới đắc đạo có khoác ca sa hay không? Đáp rằng: Không có: Người bạch y được thành Phật, cần phải có ba mươi hai tướng, xuất gia mặc pháp y đầy đủ oai nghi, xa rời phiền não, mà còn có Nhất thiết chủng trí phù hợp trong thân tướng ấy. Ca sa ấy thì thời nhà Tần nói là Nhiễm y. Các phiền não như Kết Ái ...cũng gọi là nhiễm. Người mặc pháp phục này ở giữa thú rừng không hề sợ hãi, vì vậy thợ săn nhờ pháp phục mà khiến cho thú rừng trông thấy từ xa”.

Trong kinh Xá-lợi-phất vấn nói: “Ma ha-tăng-kỳ Bộ, chịu khó học nhiều kinh tuyên giảng nghĩa lý chân thật, mà ở trong chỗ cư trú của mình cần phải mặc y vàng. Đàm-vô-khuất-đa-ca-bộ, thông suốt ý vị lý lẽ giảng giải khuyên bảo làm cho lợi ích, biểu đạt thù thắng nên mặc y màu đỏ. Tát-bà-đa Bộ, hiểu biết thông suốt nhạy bén mà dẫn giáo pháp để cảm hóa, thuận theo mặc y đen. Ca-diếp Duy Bộ, tinh tiến dũng mãnh hoá che chở chúng sinh, thuận theo mặc y mộc lan. Di Sa Tắc Bộ, Thiền tư đi vào sâu xa nghiên cứu thông suốt bí mật u huyền, thuận theo mặc y xanh. Vì vậy Tỳ-kheo La Tuần Du phân ra bảo vệ không thể nào có được thức ăn, sau đó dùng năm loại y gộp lại càng mặc vào, liền có nhiều thức ăn. Tại vì sao? Bởi vì Tỳ-kheo này đời trước chấp vào tánh-nhiều đồ kỳ, thấy Sa-môn đến vội vàng đóng cửa nói rằng: Đại nhân đi vắng. Trông thấy người bố thí nên hoan hỷ nhiếp niệm, phát tâm nguyện làm Sa-môn, vì vậy nay thân tuy được xuất gia mà báo ứng tệ hại vẫn theo đuổi như vậy. Pháp xuất gia của Ta chỉ mặc vải thô và áo của người chết, vì thế La Tuần Du có ý nhận lấy các loại y”.

Còn trong Tam Thiên Oai Nghi nói: “Có bốn sự việc khi đến nước khác không khoác ca sa không có tội: 1- Không có chùa tháp, 2- Không có Tỳ-kheo Tăng, 3- Có trộm cướp, 4- Quốc vương không thích đạo pháp”.

Thứ tư- PHẦN TẾ NẠN

Như trong Tăng Kỳ Luật nói: “Xưa kia lúc đức Phật tại thế, Tôn giả Đạt-ni-ca lấy trộm gỗ của quan phủ mà tội còn không bỏ. Lúc ấy Bình Sa Vương tín kính Tam bảo, thấy Đạt-ni-ca thân khoác ca sa, tuy lấy gỗ của quan phủ mà tôn kính không hỏi đến. Tỳ-kheo thấy rồi bèn thưa với đức Phật rằng: Đạt-ni-ca này đời trước gieo nghiệp gì, làm cho Bình sa vương tha thứ như vậy? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Chính là quá khứ trước kia, lúc bấy giờ có một con chim chúa của loài cánh vàng, thân hình rất lớn, hai cánh cách nhau hơn sáu ngàn dặm, thường vào ở

trong biển bắt rồng ăn thịt. Các loài Rồng theo lẽ thường rất sợ chim vàng, thường câu cá ca sa đặt trên cửa cung điện, chim trông thấy ca sa sanh tâm cung kính, nhân đó không tiếp tục việc làm trước kia là ăn thịt các loài Rồng ấy. Lúc chim ăn thịt Rồng, dùng cánh quạt nước biển tách ra loài Rồng hiện bày mà bắt lấy để ăn thịt. Lúc ấy có một con rồng bị chim truy đuổi, liền lấy ca sa mang vào trên thân, tìm bờ mà chạy. Bấy giờ chim cánh vàng hoá làm Bà-la-môn, truy đuổi phía sau con rồng chửi mắng rất dữ dằn: Nay người vì sao không buông ca sa này? Con rồng sợ chết cho nên nắm chặt không bỏ. Lúc bấy giờ bên bờ biển có một vị Tiên, con rồng thì sợ hãi chạy đến nơi vị Tiên, chim trông thấy vị Tiên không dám dữ dằn như trước. Vị Tiên lập tức xuất hiện thuyết pháp cho chim, bảo chim hướng về với rồng cùng nhau sám hối xong đều rời bỏ thù oán. Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Vị Tiên xưa kia chính là thân Ta bây giờ, chim cánh vàng chính là Bình Sa Vương bây giờ. Con rồng lúc ấy chính là Đạt-ni-ca bây giờ, xưa kia nhờ ca sa mà được thoát nạn chim ăn thịt, nay lại nhờ vào nhân duyên ca sa của Ta mà được thoát khỏi nạn của nhà vua, xuất gia tu đạo đạt được quả A-la-hán. Vì vậy nên biết, uy lực của ca sa không thể nghĩ bàn được”.

Trong kinh Hải Long vương nói: “Lúc bấy giờ có Long vương bèn thưa với Đức Thế tôn rằng: Vô số loài Rồng ở trong biển này, có bốn loại chim cánh vàng, thường ăn thịt loài Rồng này và vợ con của rồng, nguyện cầu đức Phật che chở giúp cho thường được yên ổn! Thế là Đức Thế tôn cỡi chiếc y màu đen trên thân, bảo với Hải Long vương rằng: Ông lấy chiếc y này chia cho các loài Rồng, đều làm cho rộng khắp. Có một sợi chỉ của chiếc áo này, chim chúa cánh vàng không có thể xúc phạm, loài nào giữ cấm giới thì sở nguyện nhất định đạt được. Bấy giờ các loài Rồng trong lòng đều kinh hãi, tất cả đều tâm niệm rằng: Chiếc y màu đen của đức Phật thì thật là bé nhỏ, làm sao có thể chia đủ cho tất cả loài Rồng trong biển lớn! Lúc ấy đức Phật liền biết trong tâm rồng đang nghi ngại, Ngài bảo với Long vương rằng: Giả sử tất cả nhân dân trong tam thiên đại thiên thế giới, đều phân chia chiếc y màu đen của Như lai thì cuối cùng không thể hết được; ví như hư không, thuận theo nơi mong cầu thì tự nhiên có đủ. Bấy giờ Long vương liền lấy chiếc y của Phật mà phân làm vô ương số trăm ngàn vạn đoạn, phân ra cho tất cả loài Rồng, tùy theo những nơi thiếu kém, rộng hẹp to nhỏ tự nhiên cung cấp cho, chiếc y ấy vẫn như cũ hoàn toàn không biết gì là dùng hết. Nên cung kính chiếc y này, giống như cung kính Đức Thế tôn, giống như cung kính chùa tháp. Đức Phật dạy: Nhìn thấy y của Như lai thì thoát khỏi

thân loài Rồng, ở trong hiền kiếp đều đạt đến nơi không còn đấm trước sẽ nhập Niết-bàn, bây giờ bốn chim chúa cánh vàng cùng với ngàn quyến thuộc, tất cả cùng thưa với đức Phật rằng: Hôm nay chúng con tự quy y Tam bảo, sám hối lỗi lầm trước đây đã phạm, vâng mạng giữ gìn cấm giới. Từ hôm nay trở đi luôn luôn dùng sự vô úy giúp cho tất cả loài Rồng, ủng hộ chánh pháp cho đến lúc cuối cùng, không làm trái lời dạy của Phật! Đức Phật bảo với bốn chim chúa cánh vàng: Các người trước kia vào thời đức Phật Kim Nhân, là bốn Tỳ-kheo tên gọi Hân Lạc-Đại Hân Lạc-Thượng Thắng-Thượng Hữu, bốn Tỳ-kheo này phạm giới pháp, tham đắm vào sự cúng dường mà không giữ gìn thân khẩu ý, làm rất nhiều điều ác, cúng dường đức Phật Kim Nhân cũng không thể tính được. Nhờ nhân duyên này cho nên không đọa vào địa ngục, mà đọa vào loài cầm thú như vậy từ trước đến nay giết hại vô số chúng sinh không thể kể được. Đức Phật hiện thân thông khiến cho biết rõ túc mạng, tội phước đã tạo ra thấy đều nhói lại rõ ràng, chúng con thà mất thân mạng chứ không dám phạm vào điều ác. Đức Phật thuyết kinh cho nghe và trao cho lời quyết định rằng: Lúc Phật Di-lặc xuất thế trong hội thứ nhất các người đều sẽ được độ thoát”.

Thứ năm- PHẦN CẢM BÁO

Như Kinh bách Duyên nói: “Thời đức Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một Trưởng giả, tên gọi Cù Sa. Vợ Trưởng giả sanh một bé gái đoan chánh tuyệt đẹp, có áo vải bông màu trắng quấn thân mà sanh ra, nhân đó đặt thành tên, gọi là Bạch Tịnh. Tuổi dần lớn lớn thì áo cũng lớn lên theo, tươi sáng thanh khiết không cần phải giặt vết bẩn, mọi người trông thấy tranh nhau cùng cầu xin kết bạn. Bạch Tịnh thưa với cha mẹ rằng: Nay con không ham vinh hoa của thế tục, nguyện vui với đời sống xuất gia, cha mẹ yêu thương hết lòng nên không thể làm trái ý của cha mẹ con gái, tìm dẫn đến nơi đức Phật cầu xin nhập đạo. Đức Phật bảo: Thiện lai! Tỳ-kheo Ni! Lập tức đầu tóc tự nhiên rụng hết, áo trắng trên thân thay đổi làm thành ca sa, trở thành Tỳ-kheo Ni tinh cần tu tập, đạt được quả vị A-la-hán. A nan trông thấy sự việc, thỉnh hỏi nhân duyên ấy, đức Phật bảo với A nan: Trong hiền kiếp này có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca-diếp, dẫn các Tỳ-kheo đi khắp nơi làng mạc thôn xóm giáo hóa chúng sinh. Lúc ấy có cô gái gặp đức Phật và chúng Tăng trong lòng vô cùng hoan hỷ, mang một tấm vải bông bố thí đức Phật và chúng Tăng, phát nguyện mà đi xa. Nhờ công đức này sanh trong loài người hay trên cõi Trời, thường có áo sạch quấn thân mà

sanh, cho đến hôm nay gặp được cơ duyên xuất gia đắc đạo trong đời của Ta, Tỳ-kheo nghe xong hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

Lại Kinh Bách DUYÊN nói: “Thời đức Phật tại thế, ở nước Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm Ma Đạt, vợ nhà vua sanh một bé gái thân khoác ca sa, đoan chánh xinh đẹp hiếm có ở thế gian, nhân đó đặt làm tên gọi là Già Thi Tôn Đà Lợi. Tuổi dần lớn thì chiếc y cũng lớn theo, bảm tánh hiền lành nhân từ và rất hiếu thuận. Một hôm dẫn các thị vệ ra ngoài thành dạo chơi, dần dần đi đến trong vườn Lộc Dã, trông thấy tướng tốt của đức Phật trong lòng rất vui thích, tiến lên lễ lạy dưới chân Phật rồi lùi lại ngồi một bên. Đức Phật thuyết pháp cho nghe, tâm rộng mở ý thông suốt đạt đến quả Tu-đà-hoàn. Lại cầu xin xuất gia, đức Phật bảo: Thiện lai Tỳ-kheo ni! Đầu tóc tự nhiên rụng hết thân mặc pháp phục, tu tập tinh cần nên đạt được quả vị A-la-hán. Chư Thiên và người thế gian trông thấy đều rất tôn kính ngưỡng mộ. Lúc ấy các Tỳ-kheo trông thấy sự việc này rồi, thỉnh hỏi nhân duyên ấy, đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Vô lượng đời kiếp thời quá khứ trước kia, có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Gia Na Mâu Ni, dẫn các Tỳ-kheo đi khắp nơi giáo hóa chúng sinh. Lúc ấy có con gái của nhà vua nhân dịp dạo chơi trông thấy đức Phật, trong lòng rất vui thích, tiến lên lạy dưới chân đức Phật, thỉnh cầu đức Phật và chúng Tăng xin được cúng dường đức Phật nhận sự thỉnh cầu cúng dường bốn thứ cần thiết trong ba tháng rồi, lại dùng y tuyệt diệu cúng dường mỗi vị một chiếc. Nhờ công đức này sanh trong loài người hay trên cõi Trời đều được tôn vinh cao quý, thường có ca sa theo thân mà sanh ra. Đức Phật bảo với Tỳ-kheo, Nên biết con gái của nhà vua xưa kia, nay chính là Tỳ-kheo ni Tôn Đà Lợi! Tỳ-kheo nghe rồi vâng mạng thực hành”.

Lại trong kinh Bách DUYÊN nói: “Thời đức Phật tại thế, phu nhân của vua Ba-tư-nặc sanh được một bé trai, đoan chánh tuyệt vời hiếm có ở thế gian, thân khoác ca sa, sanh ra đã có thể nói năng, hỏi vua cha rằng: Đức Thế tôn Như lai nay Ngài còn không? Đại Đức Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, như vậy hỏi hết để biết là còn hay không. Vua cha đáp rằng: Các ngài còn đương tại thế. Chỉ mong Đại vương vì con thiết trai cúng dường, thỉnh cầu đức Phật và chúng Tăng. Lập tức truyền lệnh để thỉnh cầu, đức Phật đi vào Vương cung rồi, trông thấy Thái Tử ấy Ngài mới hỏi rằng: Ông tự nhớ lại mình thời đức Phật Ca-diếp, ông là Tỳ-kheo Tam Tạng hay không? Đáp rằng: Thật sự là vậy! Ở trong bào thai này được yên ổn hay không? Nhờ ân của Phật để lại nên được bảo toàn tính mạng- được sống qua ngày mà thôi. Lúc ấy nhà

vua và phu nhân thấy Thái tử cùng với đức Phật Thế tôn hỏi đáp qua lại như vậy, vui mừng không sao tả xiết, bèn thưa với đức Phật rằng: Nay Thái Tử này xưa kia gieo trồng phước thiện gì, mà sanh ra đã nói được, lại có thể cùng với đức Phật cảm ứng có hỏi đáp qua lại, chỉ nguyện cầu Đức Thế Tôn giảng giải tất cả cho chúng được biết! Bấy giờ Đức Thế tôn liền vì nhà vua thuyết kệ rằng:

*Duyên đời trước tạo nhiều phước thiện,
Qua trăm đời kiếp mà còn mãi,
Nhờ vào nhân duyên thiện nghiệp xưa,
Hôm nay được cảm báo như vậy.*

Trong hiền kiếp này có đức Phật xuất thế danh hiệu là Ca-diếp, dẫn các Tỳ-kheo đi khắp nơi giáo hóa chúng sinh, đến nước của vua Ca Sí; lúc ấy thái tử của nhà vua, tên gọi Thiện sanh, trông thấy đức Phật Thế tôn trong lòng vô cùng tín kính, trở về thưa với vua cha cầu xin nhập đạo. Nhà vua không chấp thuận và bảo rằng: Ta chỉ có một mình con để tiếp nối ngôi vị Quốc vương chăm lo cho dân chúng, dứt khoát không đồng ý cho con xuất gia nhập đạo! Lúc ấy thái tử của nhà vua nghe rồi, lòng rất buồn bã, nhất định bỏ ăn trái qua sáu ngày, sợ rằng thân mạng sẽ bị tổn hại, nên truyền cho thái tử đến trước vua cha thể nguyện với nhau rằng: Nay con nếu như có thể đọc tụng thông suốt kinh sách Tam Tạng, sau đó đến gặp cha, cha sẽ đồng ý cho con xuất gia. Lúc ấy thái tử nghe xong, trong lòng rất vui sướng nên ngay sau đó xuất gia, đọc tụng học tập tất cả Tam Tạng khiến cho thông suốt. Nhà vua rất hoan hỷ, bèn nói với Tỳ-kheo rằng: Nay tất cả tài vật trong kho tàng của Ta, tùy ý con lấy sử dụng hoàn toàn không luyến tiếc gì. Thế là Tỳ-kheo Vương tử sau khi được vua cha cho phép, lấy tiền bạc sắm sửa đồ ăn thức uống chu đáo, thỉnh đức Phật Ca-diếp cùng hai vạn Tỳ-kheo để cúng dường. Cúng dường đã xong, mỗi một Tỳ-kheo đều được dâng tặng ba y sáu vật dụng. Nhờ công đức này không sanh vào thế gian ác trước, sanh vào trong loài người hay trên cõi Trời thường có ca sa phủ trên thân thể mà sanh ra. Cho đến hôm nay thì gặp được Ta, cho nên có ca sa mà xuất gia đắc đạo. Tỳ-kheo nghe xong hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

***Thứ sáu-* PHẦN VI TÔN**

Như kinh Hiền Ngu nói: “Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp quá khứ xưa kia, cõi Diêm-phù-đề này có vị Đại Quốc vương, tên gọi Đề Tỳ, thống lãnh tất cả tám mươi bốn ngàn nước chư hầu. Vào thời đại ấy không

có Phật, chỉ có vị Bích-chi-Phật ở trong núi rừng, dùng phước hoá độ chúng sinh nên cầm thú cũng được ích lợi. Lúc ấy có con Sư tử, tên gọi Kiên Thệ, thân thể sắc vàng rực rỡ chỉ ăn cỏ cây, không làm hại các sinh vật khác. Có một thợ săn, cắt bỏ râu tóc thân mặc cà sa, bên trong mang theo cung tên đi vào rừng trông thấy Sư tử, trong lòng nghĩ rằng: Có thể giết chết Sư tử lột lấy bộ da để dâng tặng nhà vua, đủ để thoát khỏi cảnh nghèo khó. Gặp lúc Sư tử đang ngủ, thợ săn bèn dùng tên độc bắn làm bị thương. Sư tử giật mình tỉnh giấc liền muốn xông lên làm hại, trông thấy đang mặc áo cà sa thì tự nghĩ rằng: Người mặc cà sa ở thế gian không lâu nhất định được giải thoát. Vì sao như vậy? Bởi vì cà sa này chính là nêu rõ tướng mạo của Thánh nhân ba đời, nếu như mình làm hại thì tâm ác dấy lên. Vì thế lòng hướng về các bậc Hiền Thánh ba đời, ý niệm làm hại liền chấm dứt, tên độc thấm vào thân thể, mạng sống còn lại không bao lâu, bèn thuyết kệ rằng: Gia-la-la, bà-xa-sa, sa-ha.

Lúc thuyết lời này, Trời đất chấn động dữ dội, không có mây mà tuôn mưa, chư Thiên nhìn thấy rải hoa cúng dường. Sư tử chết rồi thợ săn lột da mang về để dâng tặng nhà vua, cầu mong được tiền thưởng. Nhà vua trông thấy bèn nghĩ rằng: Kinh sách có nói, nếu có cầm thú nào thân hình sắc vàng rực rỡ, thì đó ắt phải là vị Bồ-tát, nay mình tại sao ban thưởng vì vật ấy, nếu như ban thưởng thì cùng với người kia nào khác gì? Nhà vua bèn hỏi rằng: Lúc Sư tử chết có điềm gì ứng hiện chẳng? Thợ săn thưa rằng: Miệng thuyết ra tám chữ, Trời tuôn mưa-đất chấn động-không có mây mà đổ mưa. Nhà vua nghe lời này rồi, buồn vui lẫn lộn, lập tức truyền gọi các đại thần, khiến giải thích ý nghĩa này nhưng không có ai có năng lực giải thích được. Lúc ấy trong núi rừng có một vị Tiên, tên gọi Xa ma, có sở trường giải thích nghĩa lý của chữ. Nhà vua liền thỉnh cầu đến giải thích cho nhà vua. Gia-la-la ấy nghĩa là người cạo tóc mặc cà sa, ở trong sanh tử mau chóng được giải thoát. Bà Xa sa ấy nghĩa là người cạo tóc mặc cà sa, đều là tướng mạo của Hiền Thánh ba đời, gần nơi Niết-bàn. “Sa ha” ấy nghĩa là người cạo tóc mặc cà sa, sẽ được tất cả chư Thiên và người thế gian trông thấy mà cung kính ngưỡng mộ. Vị Tiên ấy giải thích xong, nhà vua vô cùng hoan hỷ, liền cho mời tám mươi bốn ngàn vị vua nước chư hầu, tất cả tề tựu cùng làm chiếc xe cao to bằng bảy báu chở bộ da Sư tử, thấp hương rải hoa hết lòng cúng dường, dùng vàng ròng làm quan tài, đặt bộ da Sư tử vào đó để xây tháp thờ cúng. Nhân dân lúc bấy giờ nhờ thiện tâm này, sau khi mạng chung đều được sanh lên cõi Trời.

Đức Phật bảo với A nan: Sư tử lúc bấy giờ nhờ phát thiện tâm hướng về người mặc cà sa, trong mười ức vạn kiếp làm Chuyển-luân-vương, cung cấp đủ cho chúng sanh, gieo trồng nhiều phước nghiệp, cho đến được thành Phật. Sư tử lúc ấy chính là thân Ta bây giờ. Vua Đề tỳ lúc ấy, nhờ nhân tố cúng dường bộ da Sư tử, cho nên mười vạn ức kiếp sanh trong loài người hay trên cõi Trời đều ở địa vị Tôn quý bậc nhất, tu các điều thiện căn bản, nay chính là Di-lặc. Vị tiên lúc ấy, nay chính là Xá-lợi-phất. Thọ sản lúc ấy chính là Đề bà đạt đa. Bởi vì nghĩa này, cho nên nếu có chúng sinh nào khởi tâm xấu ác hướng về những Sa-môn mặc áo ca sa, thì nên biết rằng người này đã dấy lên tâm ác hướng về chư Phật và Hiền Thánh ba đời. Bởi vì dấy lên tâm ác cho nên nhận chịu vô lượng tội lỗi. Nếu có chúng sinh nào có thể phát tâm tin tưởng, cung kính đối với người xuất gia mặc cà sa thì có được vô lượng phước thiện”.

Trong kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: “Đức Phật dạy: Ta xưa kia vì tất cả chúng sinh, tu cách hạnh khổ hạnh khởi tâm đại bi, xả bỏ thân mạng đầu mắt mũi lưỡi..., tất cả giống như Tỳ phước la, và xả bỏ voi ngực thành trì vợ con thân yêu; trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thương xót tất cả chúng sinh khổ não, và hạng bài báng chánh pháp hủy nhục Hiền Thánh, hạng chúng sinh bất thiện không có tâm quý, cho đến các hạng chúng sinh mà tất cả quốc độ thanh tịnh của chư Phật không thấu nhận nổi. Vì các chúng sinh thuộc loại như vậy, cho nên ta phát nguyện ở trong đời ác đầy năm trước thành tựu đạo quả Vô thượng, để cứu độ chúng sinh khổ não trong ba đường, đưa vào nẻo thiện an lành đạt đến niềm vui tự tại của cõi Niết-bàn. Nếu có chúng sinh, ở trong giáo pháp của Ta làm đệ tử xuất gia của Ta, trừ bỏ râu tóc thân mang pháp phục ca sa, tuy không thọ giới cho đến thọ rồi mà hủy phạm, như vậy có ai hộ trì cúng dường người này, thì đạt được quả báo to lớn, hưởng là cúng dường đầy đủ cho người trì giới thanh tịnh. Nếu như ở đời vị lai, hàng Quốc vương-Đại thần và người phân định sự việc, đối với đệ tử của Ta và người mang ca sa mà chửi mắng, làm nhục, đánh đập, giam cầm, hoặc là xúi giục kẻ khác chiếm đoạt tiền bạc đồ dùng và vật dụng giúp đỡ cuộc sống của họ, thì người như vậy đã hủy hoại Báo thân chân thật của chư Phật ba đời, đã làm hại ánh mắt của tất cả Trời người, đã làm cho chánh pháp của hết thảy chư Phật bị che lấp, khiến cho chư Thiên và loài người rơi vào chốn địa ngục.

Lúc ấy Kiền trần như và Phạm Thiên vương bèn thưa với đức Phật rằng: Nếu có người nào theo đức Phật mà cạo bỏ râu tóc, thân mang ca

sa nhưng không thọ cấm giới, thọ rồi mà hủy phạm, nếu Quốc vương-Đại thần và người phân định sự việc, bắt bớ-đánh đập-mắng nhiếc-làm nhục thì phải nhận chịu bao nhiêu tội lỗi? Đức Phật bảo với Phạm vương: Nay Ta tạm nói sơ lược điều ấy cho ông. Nếu có người làm cho vạn ức đức Phật chảy máu thì phải nhận chịu tội lỗi nhiều không? Phạm vương thưa với đức Phật: Nếu như người nào làm chảy máu trên thân một đức Phật, thì tội lỗi hãy còn nhiều đến vô lượng vô biên, huống là làm cho vạn ức đức Phật chảy máu, thì rốt cuộc không có ai có thể nói tất cả tội nghiệp quả báo của người ấy được. Đức Phật bảo với Phạm vương: nếu có người nào loạn-chưởi mắng-làm nhục-đánh đập-giam cầm người vì ta cạo tóc khoát mặc cà sa- không thọ giới hay thọ mà hủy phạm, thì phải nhận chịu tội lỗi nhiều hơn người làm cho vạn đức Phật chảy máu. Tại vì sao? Bởi vì người này vì Ta xuất gia cạo tóc khoát mặc cà sa, tuy không thọ giới hoặc thọ mà hủy phạm, người này hãy còn có thể chỉ rõ đạo lý Niết-bàn cho các hàng Trời người, người này đã ở trong Tam bảo phải được sinh tâm cung kính tin tưởng, hơn hẳn tất cả chín mươi lăm loại ngoại đạo, người đó nhất định có thể nhanh chóng đi vào Niết-bàn, hơn hẳn tất cả người thế tục tại gia, vì vậy cho nên Trời người hãy tùy thuận cúng dường. Nếu có Quốc vương thấy người xuất gia làm nhiều tội lỗi ác nghiệp, chỉ có thể như pháp đuổi ra khỏi lãnh thổ quốc qua và ở ngoài chùa, không nên đánh đập và chửi mắng làm nhục, tất cả không nên giống như tội lỗi của người ấy đã tạo. Nếu như cố tình đánh mắng thì người này đã thối thất giải thoát, và xa lìa con đường tốt lành của tất cả Trời người, chắc chắn quay lại hưởng vào địa ngục A Tỳ, huống gì đánh mắng người vì Phật xuất gia trì giới thanh tịnh? Tụng rằng:

*Ngoài thân khiết trong tâm sáng tỏ,
Giống như vốn liếng về Tịnh độ,
Giới phẩm giữ gìn không thiếu sót,
Pháp phục oai nghi luôn thứ tự,
Đã làm theo đường nét ruộng lúa,
Cũng cứu giúp loài Rồng khôn khổ,
Uy đức dung mạo hãy quán xét,
Mưa pháp tưới thấm ân tốt đẹp”.*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra năm chuyện: 1- Tây Vực Chí nói có ca sa linh nghiệm của đức Phật; 2- Ngụy Minh Đế có ca sa Hỏa Cán Bố linh ng-

hiệm; 3- Tống Sa-môn Thích Tăng Diệu có ca sa linh nghiệm; 4- Đường Sa-môn Thích Tuệ Quang có ca sa linh nghiệm; 5- Đường Sa-môn Đạo Tuyên cảm ứng thông suốt ca sa linh nghiệm.

1: Trong Tây Vực Chí nói: “Bên cạnh khu rừng Sa La Song Thọ có một chiếc giường khác lạ, ở trên đó có bức tượng đức Phật Thích Ca, nằm nghiêng hông bên phải, thân dài hai trượng hai thước bốn tấc, lấy ca sa màu vàng rực phủ lên, nay giống như vẫn còn nhiều lần phát ra ánh sáng thần kỳ. Lại ở phía Đông Bắc của thành vương Xá là núi Kỳ xà quật có tảng đá là dấu tích ca sa của đức Phật. Thời đức Phật tại thế, đến hồ này tắm gội cởi y móc vào đây, có con chim đại bàng quắp cà sa bay lên cao, lát sau rơi xuống đất hóa thành tảng đá này, đường nét dọc ngang nay vẫn còn rõ ràng. Phía Nam nơi ấy có chỗ xưa kia đức Phật nhìn ruộng lúa dạy cho đệ tử là Nan đà làm ra ca sa, cũng nhiều lần có ánh sáng tốt lành xuất hiện. Đại Đường phái những người như Vương Huyền Sách..., trước sau ba lần, đến nơi ấy trông thấy điều này không phải là một”.

2: Thời Ngụy Văn Đế, không tin ở phương Nam có Hỏa Cán Bố, Văn Đế nói: Công dụng của lửa còn có thể làm cho đá nát vàng tan, tại sao không đốt cháy được vải đó? Văn Đế đã băng hà đến thời Thái Tử là Minh Đế lên ngôi, vua nước Tây Liêu có dâng tặng chiếc ca sa Hoả Cán Bố, Minh Đế lúc đầu y theo lời cha không tin, lấy lửa thử xem nhưng đốt lâu mà không hư hoại, mới biết là có chứng cứ lời nói không giả dối. Trước đây Văn Đế đã ghi vào trong sách sử, vẫn có đoạn nói là không tin Hỏa Cán Bố, cho nên tự mình sửa lại là có thật.

3: Thời nhà Tống có Sa-môn Tăng Diệu, người vùng Thượng Đẳng, con nhà họ Phùng, sinh sống tại thôn Thượng Minh Giang Lãng. Tăng Diệu đến đầu niên hiệu Đại Minh, đi xin khắp vùng Linh Lãng, nhân đó dừng lại sinh sống ở Quận tri Tinh xá Long Hoa, buôn bán tích trữ gạo cơm đến mấy ngàn斛. Cuối năm thứ tám niên hiệu Đại Minh, chùa Long Hoa bị hỏa hoạn cháy trụi, Tăng Diệu Sắp qua đời đem tiền bạc đồ vật giao cho đệ tử là Pháp Tông, khiến xây dựng giảng đường-Tăng phòng. Pháp Tông xây dựng giảng đường xong Pha đà diên nói: Giờ Mùi xây dựng Tăng phòng. Đến tháng Giêng năm thứ ba niên hiệu Thái thỉ, bị bệnh rất nặng, lúc ấy có Tỳ-kheo Đạo Mãnh, thuận theo Truyền Lãng khiến đến Cao Dương đồng ý ở huyện Tịnh Tuệ, huyện chính là ấp của Quận Tri. Đạo Mãnh đến thăm hỏi bệnh tình của Pháp tông, đi vào chùa mấy bước trông thấy một Sa-môn mặc quần vải hoa đào khoác áo mỏng màu vàng, đi mà mắng rằng: Tiểu tử pháp Tông

này làm trái sự sắp xếp của Ta, không xây dựng Tăng phòng, làm hao tổn phân tán tiền bạc vật dụng... Đã quay lại trông thấy Đạo Mãnh hình như có vẻ giật mình xấu hổ, dùng áo che đầu đi vào phòng Pháp Tông. Đạo Mãnh qua lại thăm viếng chùa này nhưng chưa hề gặp Sa-môn này, không muốn đường đột xúc phạm, nên trước tiên bày tỏ với đạo nhân Pháp Siêu để nói những điều thấy và nghe. Pháp Siêu nghi ngờ Đạo Mãnh có lẽ là nói lời không thật, hỏi để kiểm tra lại hình dáng-âm thanh, Đạo Mãnh nói đầy đủ tất cả. Pháp Siêu nói: Chính là thầy của Pháp Tông, qua đời đã mấy năm nay mà vẫn còn than thở buồn phiền. Đêm ấy liền hiện điềm linh thiêng bảo người mau gọi Pháp Tông. Pháp Tông đã đến, nhiều lần trách mắng rất nghiêm khắc, còn đem việc Tăng phòng để nói, âm thanh sức lực không khác gì lúc thường ngày, Pháp Tông cúi đầu nhận lỗi đã xong, thưa hỏi Hòa thượng nay sanh đến nơi nào, thiện ác ra sao? Tăng Diệu nói: Nơi sanh ra lại thô kệch có thể chấp nhận mà thôi, nhưng phải bị trách móc đôi chút, hết hai năm mới có thể tránh được, vả lại có phần nào ức chế đôi lúc muốn tố cáo những người điều khiển, bởi vì không có ca sa nên không có thể đi lại được, hãy gấp rút may ca sa giúp ta! Pháp Tông nói: Ca sa có thể may được, nhưng không biết Hòa thượng nhận được thế nào? Tăng Diệu nói: Ông nên thỉnh Tăng thiết cúng dùng ca sa làm vật cúng dường, Ta sẽ nhận được. Pháp Tông như lời dặn thiết lễ cúng dường Tăng chúng và dâng y phục. Lúc ấy Đạo Mãnh ở trong trai hội, lại thấy Tăng Diệu ngồi dựa ngoài cửa phòng chấp tay nghe kinh. Thọ nhận cúng dường bố thí xong, đạo mãnh đã thấy ca sa khoác ở thân Tăng Diệu, vẫn tiến vào trong phòng muốn theo thứ tự Tăng chúng đến chỗ ngồi, hỏi đạo mãnh hạ lạp bao nhiêu? Đạo Mãnh nói: Tôi quên năm ấy rồi, nhưng đúng là tháng hai của năm lấy Dũng Lỗ-Lâm Giang ấy mà. Tăng Diệu nói: Cùng hạ lạp với tôi, được coi là lớn hơn một tháng mà thôi! Bèn ngồi phía dưới Đạo Mãnh, Đạo Mãnh liền để trống một chỗ ngồi, Tăng Diệu chỉ lặng lẽ nghe theo, đến lúc rời chỗ ngồi thì không còn thấy nữa. Lúc ấy đạo tục trong một phòng hơn một trăm người, Thái thú linh Lăng là Thái Sơn Dương Xiển cũng tham dự pháp hội, từ khi Đạo Mãnh và Tăng Diệu bàn luận qua lại, mọi người chỉ nghe một mình Đạo Mãnh nói mà thôi, vì sao đều biết linh nghiệm? Thật ra thì Đạo Mãnh và Tăng Diệu không quen biết nhau, mà nói đến hình dáng diện mạo cử chỉ hạ lạp lớn nhỏ không có gì không phù hợp với nhau. Pháp Tông bắt đầu bị bệnh nguy khốn đến tính mạng, linh thiêng đến nói rằng: Gối lên thì bệnh sẽ khỏi. Lời nói Linh Thiêng đã phát ra đại khái là giống như trẻ nhỏ, mà

âm thanh sức lực sử dụng làm cho người nghe không sao biện giải được điều khác lạ, cho nên cùng tin là thần dị. Ban đầu Dương Xiển không tôn trọng giáo pháp cho lắm, nhân điều này mà phát khởi cung kính hết lòng, liên tục thiết lập những việc làm tích tập phước thiện, ngay năm đó tổ chức thuyết giảng ở tại chùa này, trì trai bố thí.

4: Năm thứ năm niên hiệu Trinh Quán-Đại Đường, đệ tử Pháp sư Tuệ Quang chùa An Dưỡng ở Lương Châu, họ Mẫu nhà nghèo bên trong không có áo lót, đi vào phòng con lấy ca sa cũ, khâu lại mà mặc, cùng với các bà mẹ hàng xóm tụ tập nói cười, bỗng nhiên cảm thấy chân nóng ran, dần dần lên đến eo lưng. Trong chốc lát sấm sét chấn động, ném các bà mẹ hàng xóm ra ngoài trăm bước, bùn đất nhét đầy hai tai, mê man qua một ngày mới tỉnh lại được. Bà mẹ đã dùng chiếc áo liền bị chấn động mà chết, lửa cháy đen nhẻm thân hình co rúm, trên lưng có ghi rằng: Bởi vì sử dụng pháp y không đúng như pháp. Người con thu nhận thân xác đem đi mai táng, lại tiếp tục chấn động xảy ra, thế là phơi bày hình hài giữa rừng, đến cuối cùng phân tán không còn. Vậy thì biết thọ trì pháp y là phước lợi quy y của loài Rồng, tin chắc không giả dối! Gần đây có Sơn cư Tăng ở trong núi sâu hoang vắng, dùng y che chắn phía trước, cảm thấy có thần linh kỳ dị xuất hiện, hình dạng vô cùng đáng sợ, thò cánh tay vào bên trong tìm kiếm muốn bắt lấy người ở trong đó, sợ chạm vào ca sa ngăn ngại nên không vào được, thế là được thoát nạn.

Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.

5: Thời đời Đường có Đạo Tuyên Luật Sư ở chùa Tây Minh, trú trì vào tháng hai trọng xuân năm thứ hai niên hiệu Càn Phong, nhân duyên cảm ứng đầy đủ quyền thứ mười.

Lúc ấy có bề tôi của Tứ Thiên vương, thưa với Đạo Tuyên Luật Sư rằng: Như lai sắp Niết-bàn, trước đây chưa đầy ba tháng, bảo Văn-thù-sư-lợi rằng; Ông đến giới đàn đánh chuông, triệu tập Bồ-tát bốn phương cùng các Tỳ-kheo và tất cả tám bộ Trời rồng, khiến tề tựu nơi Tinh xá Kỳ-hoàn! Văn-thù làm theo lời dạy báo cho đại chúng tề tựu rồi, Đức Thế tôn bảo với Văn-thù và đại chúng rằng: Từ lúc Ta vượt thành vào núi học đạo, đem y phục quý báu vô giá đổi được áo lông hươu để mặc, có thọ thần hiện thân, tay cầm y Tăng-già-lê, nói với ta rằng: Thái Tử Tất Đạt Đa, nay ngài tu đạo chắc chắn đạt được chánh giác, thời quá khứ vào lúc đức Phật Ca-diếp Niết-bàn, đem Đại y Tăng-già-lê trải ra nơi này gởi gắm dặn dò tôi, khiến cố gắng giữ gìn đợi đến lúc Nhân Giả xuất thế khiến tôi giao cho Tất Đạt, tôi vào lúc ấy muốn nhận đại y thì

mặt đất chấn động dữ dội. Thọ nhận nói rằng: Nay vì Ngài mở y nêu rõ tướng của phước điền! Thọ Thần đã mở ra Ta trông thấy tướng phước điền, liền đi vào Kim cang Tam Muội Định, mặt đất lại chấn động dữ dội. Thọ thần lại nói: nay Ngài hãy còn là người thế tục, chưa thích hợp để khoác Đại y này, nên đặt trên đỉnh đầu cung kính cúng dường, khiến cho Ngài cầu Phật đạo không bị ma quân nhiễu loạn! Ta y theo lời Thọ Thần, liền đưa lên đội trên đỉnh đầu. Lúc Ta mới đội lên đầu thì mặt đất chấn động, không hơn được thân ta. Địa Thần Kiên Lao ở nơi ấy từ ranh giới Kim cang nhảy lên ra khỏi núi Kim cang, tùy theo những nơi ta đi, khắp nơi dựa theo ta, mới được an trú. Lúc ấy ta khổ hạnh 6 năm nên thân thể gầy yếu, Đại y vẫn đội trên đầu không dám rời bỏ xao lãng, chỉ có Phạm vương nhiều lần đến gặp ta, thấy ta vất vả mệt nhọc nên khởi tâm thương xót sâu sắc vô cùng, mang y Tăng-già-lê của ta lên đến cõi Phạm Thiên, mặt đất lại chấn động dữ dội, mặt trăng mặt Trời không còn ánh sáng. Địa Thần lại nói với Phạm vương rằng: Ông nên mang y trở lại đặt trên đỉnh đầu! Phạm vương nghe theo lời khuyên, mặt đất mới yên ổn, mặt trăng mặt Trời tỏa sáng trở lại. Thái Tử lại bảo với Phạm vương: Ông biết tại sao y Tăng-già-lê ở trên đỉnh đầu ta hay không? Đáp rằng: Không hề biết! Thái tử nói rằng: Đây là bởi vì ở đời vị lai các hạng Tỳ-kheo-Tỳ-kheo ni bất thiện, không kính trọng pháp phục giải thoát của ta; dùng y đặt ở trên đỉnh đầu để phá tan mọi âm mưu làm cho Thiên ma ngoại đạo phá hoại hàng phục. Ta đi vào dòng sông tắm gội, lúc nhận cháo sữa của hai cô gái chăn trâu, khoác mặc Đại y này liền đạt được niềm an lạc của cõi Thiên thứ ba, mọi khổ đau đều không còn. Ta ngồi nơi cõi Bồ-đề lần đầu chuyển pháp luân, lúc bấy giờ Thọ Thần mang tháp đến dâng lên cho Ta, khiến ta cởi y phục này xếp gọn vào trong tháp. Từ lúc ta thành Phật đến nay năm mươi năm, kính trọng đại y này, giữ gìn tự mình giặt giũ, thường khiến cho thân Kim cang nâng lên mang đặt vào tháp báu, chưa hề đặt nơi mặt đất. Cứ mỗi lần chuyển pháp luân thì khoác pháp phục này. Từ lúc thành đạo đến nay khoác mặc năm mươi lần, Ta sắp Niết-bàn cần phải có người để gửi gắm dặn dò.

Đức Phật bảo với Văn-thù và các Tỳ-kheo cùng tất cả Trời rồng tám bộ: Đây là Tăng-già-lê bằng vải của đức Phật Ca-diếp có uy đức vĩ đại, ta dùng Phật nhãn nhìn khắp tất cả Trời rồng quỷ thần và Thập Địa Bồ-tát, không ai có năng lực lay động đại y này. Đã không có ai có thể lay động thì chỉ có Như lai nâng Đại y này đưa vào tháp đi quanh giới đàn ba vòng, từ phía Nam hướng về phía Tây theo bậc thêm bước

lên phía trên giới đàn, từ phía tây hướng về phía Bắc chuyển đến đứng hướng mặt về phía Bắc, Đức Thế tôn tung tháp y vào giữa hư không, tháp y phát ra ánh sáng chiếu rọi khắp trăm ức quốc độ, tất cả mọi nơi đau khổ nhờ ánh sáng đều được diệt trừ, giống như cây côi Trời ở quốc độ Diệu Lạc. Như lai phát ra âm thanh bày tỏ với hết thảy chư Phật: Tôi sắp Niết-bàn, có Tăng-già-lê bằng vải thô của đức Phật Ca-diếp xưa kia, giao cho tôi trú trì chúng sinh thời mạt pháp chư Phật Như lai khắp mười phương, cầu nguyện các Ngài bố thí một chiếc y cùng nhau giữ gìn mạt pháp! Chư Phật mười phương nghe lời này rồi, các Ngài lập tức cởi y Tăng-già-lê để bố thí đức Phật Thích Ca. Đức Thế tôn tiếp nhận rồi ma vương lại thưa với đức Phật rằng: Cúi đầu nguyện thương xót đồng ý cho, con muốn cúng dường vàng bạc châu báu dùng để làm cho tháp y hưng thịnh, nguyện xin được xem xét đồng ý! Đức Thế tôn đồng ý rồi, liền dùng thần lực trong nháy mắt các tháp đều thành tựu. Tháp đã hiện bày, Đức Thế tôn tự mình mang Đại y đưa vào trong từng tháp báu. Ma chúng thưa với đức Phật: Không biết tháp này giao phó cho người nào, an trí ở nơi đâu? Ngay sau đó Như lai trước lúc Niết-bàn, liền bảo với La Vân: Ông bảo A nan đến đây! A nan đã đến, Đức Thế tôn phóng ánh sáng chiếu rọi khắp đại thiên, trăm ức đức Phật Thích Ca cùng tập trung ở Kỳ-hoàn. Chư Phật đã tập trung. Đức Thế tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy bước lên giới đàn. Lại bảo với A nan: Ông đi đến quốc độ Chấn Đán, ở tại hang núi Thanh Lương, bảo với Văn-thù-sư-lợi, Ta muốn giao phó y Tăng-già-lê của đức Phật Ca-diếp! Các đức Phật Thích Ca, liền cùng với Văn-thù, trong khoảnh khắc đã đến giới đàn. Đức Phật bảo với Văn-thù và các đại chúng tề tựu: nay Ta Niết-bàn, muốn giao cho ông tháp y của Phật Ca-diếp, giữ gìn giáo pháp của Ta để lại, sau khi ta nhập Niết-bàn, đem tháp y của Phật Ca-diếp đặt về phía Bắc Giới đàn của Ta trải qua mười hai năm! Ngài lại bảo với Tứ Thiên vương: Các ông mang nhạc Trời thường cúng dường tháp y!

Đức Phật bảo với Văn-thù: Có Tỳ-kheo xấu ác cùng nhau tranh chấp hủy diệt chánh pháp của ta, nước Bắc Thiên Trúc có vị vua tàn ác cai trị thế gian, tin nhận Tiểu thừa phỉ báng Đại thừa, người học Tiểu thừa lại kích động làm mê hoặc lẫn nhau, ác ma đã giăng lưới, vì vậy mà giết hại người học Tam tạng Đại thừa. Đức Phật bảo với Văn-thù: Vì nhân duyên này thuận theo an trú phía bắc giới đàn trong mười hai năm, lúc vị vua tàn ác cai trị thế gian hủy diệt chánh pháp, ông hãy dùng thần lực nâng tháp y mang đi khắp nơi đất nước kia, thâu nhận tất cả giáo pháp Đại thừa đưa vào trong tháp; Tỳ-kheo trì giới nơi ấy bị nhà

vua giết hại, đều có y Tăng-già-lê thọ trì đúng như pháp, ông cũng thân nhận đưa vào bên trong tháp y của Ta. Tỳ-kheo trì giới kia thọ mạng chưa hết, thì ông hãy dùng thần lực tiếp nhận mang đến đặt trên đỉnh núi Tu di! Lúc bấy giờ ma vương thưa với đức Phật rằng: Con ở đời vị lai hộ trì chánh pháp, đến lúc vị vua tàn ác kia diệt trừ đại thừa, con từ trên đỉnh núi Tu di đi xuống dùng núi đá to lớn, đè ép vị vua tàn ác kia và Tỳ-kheo xấu ác, giống như bụi nhỏ. Con có một ngàn người con cùng có uy lực to lớn, sanh xuống cõi Diêm-phù-đề làm vua các nước kia, tất cả cùng xây dựng một vạn chốn già lam cúng dường Tăng chúng; khắp cõi Diêm-phù-đề và tất cả các thế giới. Làm cho lo buồn trừ diệt và luôn luôn hộ trì chánh pháp. Đức Phật bảo với Văn-thù: Ông mang tháp y bát của Ta, đi khắp nơi cõi Diêm-phù-đề và tất cả các thế giới, cho đến an trí khắp nơi Đại Thiên Thế giới, trấn giữ giáo pháp của Ta để lại, có tháp của A Dục Vương, cũng khuyến khích khiến cho xây dựng khắp quốc độ Tam Thiên.

Đức Phật lại bảo với Văn-thù-sư-lợi: Ông dùng thần lực hường đến trên lầu cao bảy báu phía tây căn phòng trong Tinh xá Kỳ-hoàn, lấy hòm châu ngọc của Ta đem chỉ rõ cho đại chúng. Lúc Ta mới vượt thành xa rời thân phụ và vương cung, đi qua bốn mươi dặm đến lùm cây kia, thân có phần mệt mỏi uể oải, tạm thời dừng lại nghỉ ngơi, lúc ấy thọ thần nơi đó hiện thân nói với Ta rằng: Nay Ngài tu đạo nhất định đạt được thân sắc vàng, làm bậc Đại Sư của Tam giới, lúc đức Phật Ca-diếp Niết-bàn, gửi gắm dặn dò trao hòm ngọc và y Tăng-già-lê cho tôi, khiến tôi chuyển lại giao phó cho Ngài. Ta nói với thọ thần rằng: Ông trao y Tăng-già-lê bằng lụa không phải là vật Ta có thể sử dụng, ta nghe các bậc đi trước đã nói, chư Phật xuất thế không mang y bằng lụa tơ tằm, nay ta tu đạo làm sao nỡ tổn hại chúng sinh? Đem trao y cho Ta mang, nay ông là ma cho nên đến làm phiền Ta ư? Thọ Thần nói rằng: Ngài là người Đại Trí sao nhất định phải nói lời trách móc vậy, chư Phật vì lòng Từ bi Phật sự không mang y bằng lụa tơ tằm, tơ này hóa hiện làm ra chứ không phải là hại đến chúng sinh, nay Ngài nhận hòm ngọc này, mở ra trong đó có chữ sẽ rõ. Ta liền mở hòm trông thấy đầy đủ những điều lạ lùng, có Đại Tỳ-ni và Tu đa la Tạng, giáo pháp để lại của Phật Ca-diếp đều ở trong này, và thấy y Tăng-già-lê cùng thư để lại chính là bút tích của đức Phật Ca-diếp, gửi gắm dặn dò Thọ Thần khiến giao phó cho Ta. Đức Phật Ca-diếp viết rằng: “Lúc Ta mới thành đạo Đại Phạm Thiên vương bố thí cho Ta loại tơ ấy, là hóa hiện làm ra không phải là ước tơ mà có. Phạm Thiên vương làm tơ dục, Kiên Lao Địa thần Vương làm sợi

tơ ngang, do hai thí chủ ấy cùng làm thành một pháp y. bởi vì ý nghĩa này, nay mang đến bố thí cho ta. Từ lúc ta thành đạo đến nay thường khoác y này chưa hề làm hư hoại, nay giao cho Tất Đạt, nếu được thành Phật, thì lấy y Tăng-già-lê của Ta an trí vào trong Tinh xá Kỳ-hoàn, nếu lúc chuyển vận Tỳ-ni thì nên mặc y này thay ta! Nay để lại y này, một trăm năm sau khi ông Niết-bàn, mới có Tỳ-kheo Vô Trí phân Tạng Tỳ-ni ra làm năm bộ. Đến một trăm năm sau Phân Tạng Tu đa la của ông, làm thành vô lượng Bộ Sự tranh luận do đó khởi lên khiến cho giáo pháp mau chóng hủy diệt. Bởi vì Tăng ngu si lúc ấy không tìm hiểu Tam Tạng, nghe khai mở được phép mặc y tốt đẹp thì trở thành sát hại kén tầm. Nếu sau khi ông thành đạo, tơ ấy tự nhiên xuất hiện ở các nước chứ không phải là sát hại kén tầm mà có, cho nên ta đem giao cho Thọ Thần, nay chuyển đến giao cho ông. Trong hòm này đều là giáo pháp của Ta để lại, cũng đem giao cho ông trú trì giáo pháp để lại”. Ta đã đọc thư xong, mặt đất tức thì phát sinh sáu loại chấn động, hòm ngọc tự nhiên mở ra đồng thời phát ra ánh sáng rạng rỡ. Thọ Thần lại nói với Ta rằng. Nên đem hòm y này đặt trên vai trái của Ngài, thường khởi tâm cung kính đặt nơi nào khác, hòm ngọc ở trên vai có năng lực phá tan các ma quân và làm cho ngoại đạo phải hàng phục, khiến cho mau chóng thành Phật. Ta từ lúc tiếp nhận hòm ngọc đến nay, luôn luôn đặt trên vai, thậm chí lúc ngồi dưới cây Bồ-đề thọ nhận bát cháo sữa, Đế Thích đi đến chỗ Ta lấy chiếc hòm từ trên vai, mở ra lấy y Tăng-già-lê khiến Ta khoác mặc lại lấy y Tăng-già-lê bằng vải thô của Phật Ca-diếp đặt ở phía trên y bằng lụa tơ tằm. Phạm vương cùng Đế Thích lại bố thí Đại y bằng vải, Ta theo như trước tiếp nhận, đã khoác ba lớp y, hai lớp là y của Phật Ca-diếp, một lớp là y của Ta thừa nhận. Đại Phạm Thiên vương đến nói với Ta rằng: Con thấy chư Phật quá khứ, cũng khoác ba lớp Đại y mà mặt đất vốn không thể nào hơn được, Đức Thế tôn thích hợp có thể cởi bớt hai lớp Đại y, trả lại đặt vào nơi ban đầu, khoác y của con đã làm, thì mặt đất mới được an trú! Ta liền nghe theo lời Thiên vương nói, mặt đất mới được an trú như vậy.

Vả lại, đức Phật Thích Ca từ lúc mới thành đạo cho đến Niết-bàn, chỉ mặc y Tăng-già-lê bằng vải thô và ba y bằng vải bông trắng, Ngài chưa mặc y bằng lụa tơ tằm tốt đẹp. Vì sao những Tỳ-kheo xấu ác bài báng bôi nhọ Ta rằng: trong giáo Tỳ-ni khai mở cho phép được mặc loại y này? Lúc mới thành đạo Tỳ-kheo ni Ái Đạo, tay bưng ca sa bằng sợi vàng, mang đến bố thí cho ta, Ta không dám nhận, khiến mang đến bố thí chúng Tăng, hướng hồ Ta làm Đại Sư của ba cõi mà khoác mặc

pháp y làm bằng kén tằm ư? Ở trong ba tạng giáo của ta tuy cho phép sử dụng màu sắc rực rỡ cúng dường Phật pháp Tăng, nhưng căn bản không phải là sợi tơ kéo ra từ miệng tằm. Ta ở Châu Diêm-phù-đề này và Đại Châu khác, có 1tám trăm nước lớn, đều có tơ lụa màu sắc rực rỡ, đều làm ra từ bàn tay của những người phụ nữ, chứ không phải làm ra từ trong miệng tằm. Bởi vì không sát hại mạng sống của chúng sinh, cho nên cảm được phước nghiệp, làm ra từ bàn tay của những người phụ nữ. Hỏi: Vì sao biết được? Đáp: Như lúc cần phải có tơ làm y thì cần phải thắp hương đến dưới cây dâu, sẽ có hai người phụ nữ hóa hiện, từ dưới cây dâu kia lộ rõ hình hài, như bé gái tám tuổi, từ trong miệng nhả tơ. Những người ở nước kia chỉ làm ra guồng kéo sợi, lấy tơ từ miệng người phụ nữ, chuyển đến trong guồng kéo sợi, lấy đủ thứ dừng lại, phụ nữ hóa thân liền biến mất. Ta cho phép mặc y màu sắc rực rỡ, chính là tơ của người phụ nữ này và màu sắc rực rỡ tự nhiên, vốn không phải làm hại sinh mạng lấy tơ mà sử dụng, tại sao bài báng Ta làm hại sinh mạng lấy tơ mà sử dụng như vậy?

Lúc bấy giờ Văn-thù liền thưa với đức Phật rằng: Nay có chút nghi ngờ mong muốn có sự quyết định, không biết Đức Thế tôn cho phép hay không? Đức Phật bảo với Văn-thù: Có thể tùy theo ý ông! Con quan sát tâm tư đại chúng đều có nghi ngờ, trước đây nói: Hòm ngọc bé nhỏ của Phật Ca-diếp, chỉ dài ba tấc ba phân, chứa được một chiếc y Tăng-già-lê ấy cũng sợ rằng không đủ chỗ, huống gì chứa đủ ba tạng giáo của Phật Ca-diếp và dấu tích của tất cả kinh điển được ư? Đức Phật bảo với Văn-thù cùng tất cả đại chúng rằng: Chính là năng lực không thể nghĩ bàn được của chư Phật, chỉ có Phật và Phật mới có năng lực biết được, không phải là phạm vi tính toán của các ông mà biết được. Đức Thế tôn lại khiến Văn-thù-sư-lợi nâng chiếc hòm lên, Đức Thế tôn đứng dậy làm lễ, dùng ngón tay chạm vào chiếc hòm giống như mở cánh cửa của tòa thành đồ sộ, đại chúng đều nhìn thấy tất cả mọi sự việc, tháp ngọc, y lụa, châu báu vàng bạc, mấy chục vạn nơi chốn chứa đầy các Tạng kinh pháp của Phật. Lại có nhạc Trời thường xuyên cúng dường, đài cao bốn mươi dặm, tháp cao mười do tuần. Nhưng mà chiếc hòm không hề Tăng giảm, vẫn là ba tấc như ban đầu. Chư Phật mười phương thấy đều ca ngợi đức Phật mâu ni, có năng lực ở đời ác trước rộng độ cho mọi chúng sinh, các Ngài đều tặng y Tăng-già-lê và một hòm ngọc, dùng để giúp đỡ Tôn giả mâu ni trú trì giáo pháp để lại, đức Phật bảo với Văn-thù khiến mở chiếc hòm của Phật, trong đó đều có đầy đủ Đại y, đài cao, châu báu, ba tạng kinh pháp-dấu tích giáo

hóa, hoàn toàn giống như tòa tháp của Phật Ca-diếp, bình đẳng không có gì sai khác. Đức Phật bảo với Văn-thù. Ông đem tòa tháp này trở về đến Kỳ-hoàn an trí bên trong đài cao phía Bắc của giới đàn lại thưa hỏi: Sau khi Đức Thế tôn Niết-bàn, hòm này, tháp này sẽ giao cho ai và an trí nơi nào? Đức Thế tôn hướng về các đại chúng dạy rằng: Nay giao cho Văn-thù đặt trên giới đàn, trải qua ba năm rồi di chuyển đặt ở góc Đông Nam, an trú nơi này trải qua ba mươi năm. Qua năm này rồi, sau đó di chuyển an trú ở phía Nam hồ Quang Minh trên đỉnh núi Tần Già La thuộc Tây Ấn Độ. Sau khi Như lai diệt độ trải qua bốn mươi lăm năm, có một vị vua tàn ác xuất hiện ở thế gian phá hoại Phật pháp đàn áp Tăng Ni, không thể nào nói hết. Lúc bấy giờ xuất hiện ma vương-binh chúng và Thiên vương thần tướng, sẽ dùng đá lớn đè chết vị vua tàn ác, Long vương Sa Kiệt đem cung điện kia làm thành hồ nước to lớn. Giòng tộc của vị vua tàn ác không có ai sót lại, chỉ có chốn già lam và những thôn xóm dân chúng cư trú. Người ở vùng Tây Ấn Độ rất nhiệt thành làm cho lớn mạnh, chùa chiền có mười ba vạn ngôi, Tăng chúng có sáu mươi vạn người, và chúng Bồ-tát cũng có vô lượng; kinh có mười ba vạn tạng, kinh thêu chữ bằng chỉ vàng có tám vạn Tạng; Phật tượng bằng vàng châu báu lớn thì cao một trăm thước, nhỏ thì một thước sáu, tất cả có một trăm ba mươi vạn pho tượng, đấng nhiên tượng nhỏ còn lại thì không thể nào tính đếm được. Số kinh tượng này đều là do công thợ và Thiên vương cõi Đạo Lợi cùng nhau làm ra. Bởi vì nhân duyên này, cho nên những di vật y-tháp của Phật đều hướng về an trú nơi đây núi kia. Đến một ngàn bảy trăm năm sau vào cuối thời Tượng pháp, Ta ở cõi Diêm-phù-đề này và trong những Tứ Thiên Hạ rất nhiều Tỳ-kheo tệ hại, xây dựng chốn Già lam mà không tu tập Thiền-Tuệ cũng không đọc kinh điển không biết văn tự, cho dù có biết thì trong số ngàn chỉ có một hai. Đến thời thế ác trước ấy, khiến Văn-thù-sư-lợi nâng giữ hòm ngọc ý tháp... đi qua khắp các nước giáo hóa nhân dân khiến xây dựng tháp y. dùng năng lực thần thông phủ khắp Đại Thiên Thế giới, làm cho những Tỳ-kheo tệ hại kia bỏ điều ác tu dưỡng điều thiện, học tập hiểu biết Tam tạng khiến cho giáo pháp tồn tại lâu dài. Những việc làm đã xong, mang tháp y trở về đặt lại chỗ cũ, đến lúc Di-lặc xuất thế khiến Văn-thù-sư-lợi mang tháo giao cho Phật Di-lặc. Đây là nơi an trú, cho nên gửi gắm giao phó cho nhau.

Lại sau khi Như lai thành đạo, vào năm thứ hai mươi mốt, đức Phật bảo với Đại Mục Liên: Ông đi phía Bắc giới đàn trong Tinh xá Kỳ-hoàn đánh chuông triệu tập mười phương Tăng như các Bồ-tát Phổ Hiền-

Quán Âm ..., đồng thời tập trung trăm ức hóa Phật Thích Ca là phân thân của Ta, tất cả dựa theo lầu quán đến nơi giới đàn! Y theo lời dạy tề tựu rồi, đức Phật bảo với Bồ-tát Phổ Hiền: Ông đến nơi hồ Di Hâu, nơi ta thường kinh hành có y Tăng-già-lê hư rách, góc y có tòa tháp ngọc nhỏ bé, có thể mang về đây! Phổ Hiền nghe theo lời dạy mang đến Kỳ-hoàn. Đức Thế tôn tiếp nhận tòa tháp này rồi, liền nói cho đại chúng biết rằng: Lúc ta mới vượt thành đến trên lầu cao của tường thành, thần giữ thành khen ngợi ta rằng: Tôi là Thần giữ thành này, trải qua đến nay mười ba kiếp, thấy chư Phật quá khứ, đều vượt thành học đạo, xé toạc mạng lưới ân ái-giết chết quân giặc phiến não, thành tựu đạo quả Vô thượng độ thoát tất cả chúng sinh. Nay Ngài cũng như vậy, đừng làm cho có sự lui sụt! Thời Phật Thích Ca-diếp giao cho tòa tháp ngọc nhỏ bé, đợi lúc Tất-đạt vượt thành khiến tôi giao cho Ngài. Đây là tòa tháp Tứ Nha Ấn của đức Phật Câu-lưu-tôn, lần lượt giao cho nhau đến đức Phật lâu chí. Thái tử tiếp nhận rồi lễ lạy tòa tháp xong, tòa tháp phát ra ánh sáng rực rỡ, cửa tháp tự nhiên mở ra, thì thấy bốn chiếc răng và giáo pháp để lại của đức Phật, có đài quán bằng vàng bạc, số đó đến tám vạn, cùng rất nhiều kinh luật. Lại có đài quán bằng ngọc ma ni, phía trên thường có đèn hương cúng dường, và bên cạnh có ghi chữ bằng bạc nói cho Thích Ca Văn Phật biết: Lúc ông mới thành đạo hãy chọn lấy một chiếc răng phù hợp in vào chân ông, dưới chân hiện rõ tướng Thiên bức luân; tiếp theo chọn lấy một chiếc răng phù hợp in vào trong bàn tay của ông, thì có tướng chữ vạn hiện bày; lại chọn lấy một chiếc răng phù hợp in vào trên đỉnh đầu ông, thì có tướng Đại Viên Quang hiện bày. Sau khi Ta thành đạo y theo bốn ấn này, hễ vào thì tướng hiện bày, đều như trước đã nói. Ấn xong vào bên trong tháp thì cửa tự nhiên khép lại, nền tháp có bài minh, khiến đặt vào góc cửa ca sa. Từ khi thành đạo đến nay đặt ở trên vai trái. Lại bảo với các vị Phật phân thân và đại chúng Trời người, tất cả đều bố thí một tháp ngọc an trú chờ đến vị lai. Chư Phật y theo lời dạy bố thí xong, cùng giao cho Phổ Hiền giữ gìn, đợi lúc Như lai Niết-bàn, chuyển đến trong Kỳ-hoàn an trí vào phía Bắc giới đàn, đến lúc Xà suy (Trà tỳ) phân chia Xá-lợi xong, khiến Phổ Hiền giữ gìn, an trú hai mươi năm về sau giao cho Văn-thù, mở tháp lấy bốn chiếc răng này. Đến thời kỳ cuối của chánh pháp, khiến truyền cho các nước trong cõi Diêm Phù trú trì chánh pháp. Cho đến một trăm năm sau, đem bốn chiếc răng ấn chứng này tạo hình tượng cho trăm ức thế giới, đều có ánh sáng phát ra làm nảy sinh tâm hy hữu. Sau đó cho đến bốn châu- sáu tầng Trời cõi dục đều lưu thông giáo hóa làm lợi ích.

Về sau Văn-thù-sư-lợi đem cho Đức Phật Di-lặc.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn lại bảo với đại chúng: Lúc Ta mới thành đạo sắp bước vào dòng sông tắm gội, lúc ấy thần sông hiện thân tay bưng tháp báu này, bên trong có hộp vàng ròng, chứa một chiếc y An-đà-hội, và một tấm Ni-sư-đàn, cùng có một cái trú bình bát, bốn chiếc răng của Phật Ca-diếp đều còn trong hộp. Đây là vật của Phật Ca-diếp giao cho con khiến giao lại cho Đức Thế tôn, nay tắm gội xong thỉnh Ngài khoác y An-đà-hội!

Ta liền nhận lấy mặc vào, mặt đất phát sinh 6 loại chấn động, mà bốn góc y A Đà Hội phát ra ánh sáng soi chiếu đến trăm ức quốc độ, các Phạm vương mười phương theo ánh sáng tìm đến nơi ta, tiến lên thưa với ta rằng: Y ngũ điều làm bằng vải bông trắng này giống như y của đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Niết-bàn rồi lần lượt gởi gắm cho nhau, đến đức Phật Lô-chí. Sau khi đức Phật Thích Ca Niết-bàn gởi gắm cho Long vương Sa Kịệt, khiến dựa theo pháp y này làm ra tám vạn chiếc, vẫn xây tháp cúng dường trấn giữ giáo pháp để lại cho đời sau, mà bốn góc y An-đà-hội này và đầu mỗi điều của y, đều an trí chữ vạn. Y này tạo ra sớm nhất trong hiền kiếp, mà hình dạng tháp báu này cùng là năm tấc, nhưng Đức Thế tôn mở tháp hiện bày lâu quán bằng châu ngọc thực sự, số đó đến tám vạn, chứa đựng giáo pháp để lại của đức Phật Câu-lưu-tôn đã thuyết ra. Lại có ba Tỳ-kheo đệ tử của đức Phật ấy toạ thiền. Đức Phật bảo với Văn-thù: ông lấy tù và giáo pháp của Ta, đến nơi Tỳ-kheo kia thổi lên nhạc khúc đức Phật xuất hiện ở thế gian! Văn-thù nghe theo lời dạy thổi tù và Tỳ-kheo nhập định liền đứng dậy, hỏi Văn-thù-sư-lợi: nay có đức Phật nào xuất thế? Văn-thù đáp rằng: Đức Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư trong Hiền kiếp này xuất thế. Ba Tỳ-kheo kia cùng đến lễ lạy đức Phật rồi đứng về một bên, liền thưa với đức Phật rằng: lại đức Phật Câu-lưu-tôn nhập Niết-bàn, giao cho chúng con Y An-đà-hội-Ni-sư-đàn và cái đũa đựng bình bát, khiến con trú trong tháp này, cho đến đức Phật Lô-chí, khiến con mới được nhập Niết-bàn, Đức Phật Ca-diếp còn giao chon con bốn chiếc răng, đức Phật Mâu Ni ban cho con một số móng tay chân và tóc, đều đặt ở trong tháp. Sau khi Đức Thế tôn Niết-bàn từ trong tháp đi ra đến cõi Diêm-phù-đề này cho đến Đại thiên thế giới, lưu bố y và tháp khắp mọi nơi để trấn giữ giáo pháp để lại cho đời sau.

Lại hỏi: Như lai thành đạo rồi, đức Phật hóa độ chúng của anh em Ca-diếp nhiều dần lên, ở tại vườn trúc Ca-lan-đà tập hợp thành hai Bộ Tăng; ở bên hồ nước khiến hai Bộ chúng đều cõi y Tăng-già-lê, bảo trải

Ni-sư-đàn ra, Tỳ-kheo ngồi ở trên đó, khiến đưa y Tăng-già-lê đặt trên đỉnh đầu Tỳ-kheo là sao? Bấy giờ Đức Thế tôn hỏi Tỳ-kheo: Ông hiểu ý ta hay không? Tỳ-kheo thưa rằng không thể hiểu được. Đức Phật bảo rằng: Một ngàn một trăm năm sau khi ta diệt độ, có nhiều Tỳ-kheo phi pháp làm hủy diệt chánh pháp của Ta, có vị Quốc vương tàn ác sát hại Tỳ-kheo, thiêu đốt kinh tượng cho nên Như lai từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình cỡi y Tăng-già-lê đặt trên đỉnh đầu.

Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Y Tăng-già-lê này của Ta là hình thức của chư Phật quá khứ-vị lai, đều mặc y này đến được nơi giải thoát, Tỳ-kheo tặc hại thời kỳ cuối cùng không thọ trì ba y, cũng không trì giới mà lại khinh thường pháp y, làm cho giáo pháp mau chóng hủy diệt. Nay Ta ban cho ông tất cả Đại y trong Tam Thiên Thế giới, mong ông thọ trì đừng làm cho tổn thất. Nên dùng vải thô để may y Tăng-già-lê này, không được dùng các loại tơ lụa mượt mà rực rỡ để may y. tất cả sử dụng vải thô may y, khiến cho hàng Tỳ-kheo thời kỳ cuối cùng không ham thích y phục lờ lợt!

Lúc Đức Thế tôn phát ra lời này, mặt đất xuất hiện sáu loại chấn động, Trời người không còn than vãn mà vô cùng hoan hỷ. Nay những Đại y này, Đức Thế tôn dạy đem giao cho Tứ Thiên vương và các Sứ Giả của tám bộ, khiến cho tám bộ quỷ thần giữ gìn y này, đừng làm cho tổn thất, đợi đến lúc Di-lặc xuất thế thì giao lại cho đức Phật ấy. Lại giao cho Phạm vương Đế Thích nếu đến sáu ngày trai Tăng hằng tháng hay ba tháng trường trai hàng năm, thì quét dọn cung điện cõi Trời sạch sẽ, khiến mang y Tăng-già-lê đến nơi cung Trời ấy để cúng dường, cất trong hộp bằng bảy báu, dùng ngư đầu-chiên đàn-trâm thủy-mạt hương, nấu lấy nước hương để giặt giũ y Tăng-già-lê, phơi hong làm cho khô khan rồi, sau đó lấy bột hương, đặt vào trong hộp bảy báu dùng để xông ướp y Tăng-già-lê, khiến cho Đại y đó tồn tại lâu dài. Lục trai thì bảy ngày-trường trai thì một tháng, sau khi trải qua ngày tháng này, trở lại giao cho Tứ Thiên vương, đây chính là nơi để bảo quản giữ gìn.

Đức Thế tôn lại bảo với A nan rằng: Hãy đi đến trên đỉnh núi Tu di đáng chuông, triệu tập tất cả các Tỳ-kheo bốn phương, đều quy tụ nơi giới đàn! Tất cả đều tự nói, người đạt được Tứ quả gồm có tám trăm vạn người, đều khiến cỡi y bảy điều khoác mặc y Tăng-già-lê. Trước đây Ưu Đa La mang đến trước Đức Thế tôn, Như lai tự tay nhận lấy an trí lên đỉnh đầu, Đức Thế tôn tự cỡi y bảy điều an trí phía trên các y. Như lai cất tiếng bảo cho tất cả đại chúng Trời-người-rồng-thần... biết rằng: Ta từ trong vô lượng kiếp, xả bỏ đầu mắt tủy não và tiền bạc châu

báu trong ngoài thân thể, mới có được chiếc y giải thoát, chứng quả Bồ-đề Vô thượng giáo hóa tất cả chúng sinh. Sau khi Ta Niết-bàn, những Tỳ-kheo tệ hại không tin theo giáo pháp của Ta, không nghiêm trì cấm giới-không giữ gìn y giải thoát, không có uy đức mà làm cho chánh pháp hủy diệt. Những Tỳ-kheo ni xấu xa không thuận theo giáo pháp răn dạy, ở trong đạo tràng Kim cang làm những việc làm bất tịnh, giống như chốn cư ngụ dâm loạn, không thực hành tám pháp tôn trọng mà lại khinh mạn Tỳ-kheo, làm cho chánh pháp của Ta hủy diệt mau chóng, khiến chúng Trời người giảm bớt-những hạng ác hiểm đầy rẫy mọi nơi. Nay Ta cùng với các người phát bốn thệ nguyện to lớn, nghĩ thương cho những Tăng Ni tệ hại ở đời tương lai, giữ gìn bảo vệ pháp y này đừng làm cho tổn thất, an trí trong tháp để Phật pháp trú trì! Lúc thuyết lời này, mặt đất vang lên sáu loại chấn động, Trời-người-rồng-thần thổ than hoan hỷ, âm thanh vang khắp Đại thiên thế giới. (Ngũ điều y An-đà-hội và Ni-sư-đàn của Như lai, phát khởi rất nhiều hỏi đáp, phần lớn giống như Tăng-già-lê. Thế tôn đều nhận lấy các loại châu ngọc quý báu từ Phạm vương-Đế Thích-Ma Vương...Thế tôn tạo pháp không quá bảy ngày mà tháp báu đều thành tựu, lần lượt giao phó với nhau, cho đến lúc Di-lặc xuất thế thì giao lại cho đức Phật ấy lưu thông).

Lại nữa, Đức Thế tôn lúc mới thành đạo hóa độ năm anh em Kiều Trần Như xong, đến trong năm thứ bảy, các đệ tử Thanh văn dần dần Tăng nhiều. Có một Tỳ-kheo, tên gọi Chân Đà La, là người nước Cù-đà-la ở phía Bắc của Diêm-phù-đề, dựa vào buôn bán làm nghề sinh sống, đi đến vùng Trung Thiên Trúc, được gặp đức Phật và xuất gia học đạo. Nước ấy không có lụa là gấm vóc, mọi người trong nước chỉ mặc một tấm da thú làm áo che thân. Tỳ-kheo Chân Đà La này, ở tại thành Vương Xá trông thấy một tấm da thú, đi theo người thế tục ấy mua làm ca sa, người thế tục ấy mỉa mai chê cười có Tỳ-kheo thừa với đức Phật. Đức Phật gọi đến trách mắng, Ngài bảo cho các đại chúng biết: Ta ở cõi Diêm-phù-đề này và Đại thiên thế giới nơi khác giống như nước Cù-đà-la, dùng da làm ca sa, tất cả có hai mươi vạn nước. Sợ rằng sau khi Ta nhập Niết-bàn, sẽ có nhiều Tỳ-kheo tàn ác tự mình giết hại thân mạng chúng sinh, lấy da làm y phục!

Đức Phật bảo với Mục Liên: Ông đến nơi Phụ vương của Ta, thưa với Phụ vương rằng: Lúc Ta còn là đứa trẻ, làm gãy bốn chiếc răng phía trước khiến cho Phụ Vương nhặt lấy cất giữ lại cho Ta, nay cần phải lưu lại cho thời mạt pháp để giữ gìn yên giáo pháp của Ta làm lợi ích cứu giúp chúng sinh! Mục Liên vâng theo lời dạy đến lấy rồi đem giao lên

Đức Thế tôn. Đức Phật bảo với các vị Phật tương lai và các phân thân Phật, nên bố thí một chiếc răng và một tòa tháp Kim cang; bảo cho các quỷ thần-Long vương, ở trong khoảng thời gian khả y móng tay tạo nên tòa tháp Kim cang, cất giữ bốn chiếc răng trước kia; các vị Phật tương lai khắp mười phương và phân thân Phật của Ta, đều bố thí tháp-răng của mình, khiến Long vương Sa kiệt thu nhận vào trong biển lớn để cúng dường.

Ngài bảo với Văn-thù-sư-lợi và Đại sĩ Quán Âm: Đợi sau khi Ta diệt độ, các ông dùng thần lực phân thân lấy tháp răng của Ta, nâng hướng về nước kia đến trong chốn già lam của Tăng, làm cho tháp phát ra ánh sáng, ở trong ánh sáng xuất hiện các loại vải bông, các ông làm những người buôn đi đến nơi ấy buôn bán, hoặc Bố thí làm thành pháp y. các ông lại biến hóa làm Tỳ-kheo Tam Tạng, giáo hóa Tỳ-kheo ở nước ấy dùng mặc y bằng da thú! Nếu như lời dạy của Phật tinh tiến chịu khó thực hành, thì chư Thiên sẽ tặng y và giúp cho đồ ăn thức uống.

Vả lại, sau khi Ta diệt độ, một ngàn bốn trăm năm sau, Ta ở Diêm-phù-đề này và Đại thiên thế giới, có nhiều Tỳ-kheo tỳ hại không tu tập thiên-giới, xây dựng nhiều chùa tháp đầy khắp giữa thế gian, tuy không phải đất nước da thú có nhiều vải bông tốt đẹp rực rỡ, nhưng không dùng làm y phục mà tự mình thích ghét hại sinh mạng lấy da có màu sắc văn vận ấy để làm y phục đẳng cấp cao, các ông đến thời kỳ hiểm ác ấy, hãy dùng thần lực làm chấn động Đại thiên thế giới, khiến cho tháp phát ra ánh sáng chiếu vào thân thể người ác hiểm kia, khiến cho sanh tâm hối hận mà thay đổi không huân tập thêm các pháp xấu xa.

Thiên thứ 31: NHIÊN ĐĂNG

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Lẽ thường khi mặt Trời ló dạng thì màn đen cuốn lại, mặt trăng xuất hiện thì bóng tối lùi dần. Ngọn đèn phá tan đen tối, giống như trí tuệ loại trừ chướng ngại. Vì vậy Đấng Vương khom người cung kính, khắc thành pho tượng Di Đà; Tục Minh tập trung sức lực, liền nhận danh hiệu Định Quang. Cỏ tranh biết rõ duyên đơn giản, mới có được thân sắc rực rỡ, ngọn nến bố thí nhân nhỏ nhoi, liền cảm quả nhãn căn thanh tịnh. Huống hồ làm phẩn chấn trí tuệ vĩ đại này, khơi thông suốt ánh sáng rực rỡ, có gì sánh bằng! Vì vậy ngày A Dục Vương lâm chung, toàn bộ tạo ra tám mươi bốn ngàn ngọn đèn, soi chiếu tất cả tám mươi bốn ngàn tòa tháp, cách làm vô cùng linh hoạt khéo léo, hình thể hết sức đặc biệt tuyệt vời. Tất cả đều là tên gọi thích ứng với pháp của từng vùng-việc làm cảm động đến cảnh giới chân thật. Điện chớp đung đưa rực rỡ, hoa thơm bày ra ngào ngạt, bóng ngược chiếu nước trong veo-ánh đèn tỏa trên cây biếc: ánh sáng lung linh chiếu soi rực rỡ, tựa như mặt Trời sáng rực giữa ráng mai, soi chiếu qua lại rõ ràng tơ tóc, giống như Ngân Hà lấp lánh muôn vì sao. Nhìn biển vàng mà quên đêm tối, đến thêm ngọc mà ngỡ bình minh. Có thể nói phước thiện thường soi chiếu vô tận, điềm lành luôn vắng vắng sáng ngời, quả thật như vậy!

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Bồ-tát Bồ Hạng nói: “Đức Phật dạy: Ta xưa kia từ vô lượng kiếp đến nay xả bỏ thân mạng, ở cõi Diêm-phù-đề làm vị đại Quốc vương, tay mang dao trao cho tùy tùng, sắc lệnh cho họ khoét thân làm thành một ngàn lỗ đèn, thân ấy khoét thật sâu như đồng tiền lớn, lấy bơ rót vào trong đó mà làm một ngàn ngọn đèn, đặt bắc đèn đã xong, nói với Bà-la-môn rằng: Trước tiên thuyết kinh pháp sau đó hãy châm đèn! Mà Bà-la-môn ấy vì nhà vua, thuyết kệ rằng:

*Thường thì đều không còn,
Cao thì cũng rơi xuống,
Tụ hội có chia ly,
Sanh thì phải có chết.*

Nhà vua nghe kệ xong, hoan hỷ nhảy lên quá đỗi sung sướng, nay vì pháp cho nên dùng thân làm đèn, không cầu vinh hoa của thế gian, cũng không cầu chứng quả của Nhị thừa, đem công đức này nguyện

cầu đạo Vô thượng chân chánh. Phát nguyện này rồi, lập tức Đại thiên thể giới phát ra sáu loại chấn động, thân đốt thành một ngàn ngọn đèn. Tất cả chư Thiên-Đế Thích-Phạm vương-Luân Vương..., đều đến thăm hỏi: Thân đốt một ngàn ngọn đèn có thể không còn bệnh tật chẳng, có thể có ân hận gì chẳng? Nhà vua trả lời Thiên Đế: Không cho rằng là bệnh tật, cũng không có gì hối hận. Nếu như không hối hận gì thì lấy gì để làm chứng? Nhà vua liền thề rằng: Thân Tôi làm một ngàn ngọn đèn để cầu đạo Vô thượng, đích xác sẽ thành Phật thì các vết thương lập tức lành lại. nói lời này xong, thân thể lập tức bình phục không còn vết thương nào nữa. Chư Thiên-đế Thích-Vương Thần quyến thuộc và vô lượng dân chúng, tất cả đồng thanh ngợi ca hoan hỷ, đều cùng nhau thực hành mười thiện nghiệp.

Như kinh A-xà-thế Vương Thọ Quyết nói: “Lúc ấy vua A-xà-thế thỉnh Phật thọ trai xong, Đức Phật trở về Kỳ-hoàn. Nhà vua cùng với Kỳ-bà bàn bạc rằng: Đức Phật thọ trai đã xong, lại nên làm thế nào? Kỳ-bà nói: Chỉ có thấp nhiều ngọn đèn. Thế là nhà vua bèn truyền chỉ chuẩn bị một trăm Hộc dầu mè, bắt đầu từ cổng Hoàng cung thấp đến Tinh xá Kỳ-hoàn. Lúc ấy có bà cụ nghèo túng, trông thấy nhà vua làm công đức này, mới càng cảm kích lòng dạ, đi xin được hai đồng tiền, đem đến người bán dầu mua dầu. Chủ bán dầu nói: Bà cụ là người rất nghèo túng xin được hai đồng tiền, sao không mua thức ăn để tự duy trì cuộc sống, mà lại dùng để mua dầu như vậy? Bà cụ nói: Tôi nghe đức Phật sanh ra khó gặp, trăm kiếp một cơ hội, tôi may mắn gặp đức Phật không có gì cúng dường, hôm nay thấy nhà vua làm công đức to lớn, tuy thật sự nghèo túng nhưng muốn thấp một ngọn đèn làm gốc rễ cho đời sau. Thế là chủ bán dầu tán thưởng ý niệm chân thành ấy, so ra hai đồng tiền thì dầu sẽ được hai ca, đặc biệt thêm cho bà ca, tất cả có được 5 ca. bà cụ thì hưởng đến mà thấp ở trước đức Phật, tính ra số dầu này không đủ nửa đêm, mới tự thề rằng: nếu con ở đời sau đắc đạo giống như Phật, thì dầu này thấp sáng suốt đêm không hết. Thề xong làm lễ mà đi. Đèn của nhà vua đã thấp có ngọn thì tắt có ngọn khô dầu. Đèn của bà cụ đã thấp, ánh sáng rực rỡ khác thường và hơn hẳn các ngọn đèn khác, suốt đêm không tắt, dầu lại không cạn, thấp sáng đến ngày hôm sau. Đức Phật bảo với Mục Liên: Nay Trời đã sáng hãy tắt những ngọn đèn! Mục Liên theo lời dạy mà lần lượt tắt đèn, những ngọn đèn đều tắt, chỉ riêng một ngọn đèn của bà cụ ba lần tắt mà không được, bèn đưa ca sa để quạt đèn thì ánh sáng càng sáng rực. Thế là dùng uy thần dẫn theo gió núi để tiếp tục thổi ngọn đèn, ngọn đèn càng rực cháy

hơn nữa, trên chiếu rọi đến cõi Phạm Thiên, xung quanh soi sáng Tam Thiên thế giới, tất cả đều trông thấy ánh sáng đó. Đức Phật bảo với Mục Liên: Dừng lại, dừng lại! Đây là ánh sáng công đức của vị Phật tương lai, không phải uy thần của ông mà tắt được. Túc mạng bà cụ này cúng dường 1 tám mươi ức đức Phật, đã từ trước kia được đức Phật quyết định thọ ký, cốt phải theo kinh pháp chưa rồi đề tu hạnh bố thí, cho nên ngày nay nghèo túng không có tiền bạc châu báu, về sau ba mươi kiếp sẽ được làm Phật, danh hiệu là Tu di Đăng Quang Như lai Chí Chân Đăng chánh Giác, thế giới ấy không có mặt trăng mặt Trời, trong thân thể của nhân dân đều có ánh sáng to lớn, ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau cõi Trời đạo lợi. Bà cụ nghe rồi hoan hỷ làm lễ mà đi xa. Nhà vua hỏi Kỳ-bà: Ta làm công đức to lớn đồ sộ như vậy, đức Phật không ban quyết định cho ta, bà cụ này chỉ một ngọn đèn thì ban cho quyết định thọ ký, tại vì sao? Kỳ-bà nói: công đức nhà vua đã làm tuy nhiều mà tâm không chuyên nhất, không bằng bà cụ này chú tâm hướng đến đức Phật. Thế là sau đó vua A-xà-thế dùng tâm chí thành, dâng hương hoa dầu đèn cúng dường đức Phật, đức Phật liền trao cho nhà vua quyết định rằng: tám vạn kiếp sau này, kiếp tên là Hỷ Quán, nhà vua sẽ làm Phật, Phật hiệu là Tịnh Kỳ, Thái Tử của Vua A-xà-thế tên gọi Chiên Đà Hòa Lợi, năm ấy mới tám tuổi, thấy vua cha được quyết định thọ ký thì vô cùng hoan hỷ, liền cởi các thứ báu của mình để rải trước đức Phật và nói rằng: Nguyện ở nơi đức Phật Tịnh Kỳ, con làm Kim Luân Vương được cúng dường đức Phật, lúc đức Phật nhập Niết-bàn con sẽ tiếp nối làm vị Phật. Đức Phật dạy: Chắc chắn như nguyện của con, sẽ làm Phật danh hiệu là Chiên Đàn”.

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: “A nan thưa với đức Phật: Không biết Đức Thế tôn, trong đời quá khứ làm thiện căn gì, dẫn đến quả báo cúng dường đèn sáng không cùng tận này? Đức Phật bảo với A nan: chín mươi mốt kiếp trong hai A-tăng-kỳ thời quá khứ, cõi Diêm-phù-đề này, có vị đại quốc vương, tên gọi Ba tặc Kỳ, Đại phu nhân sanh ra một Thái Tử, thân màu vàng tía đầy đủ tướng tốt, sau dần trưởng thành xuất gia thành Phật, giáo hóa nhân dân độ thoát rất nhiều người. Lúc bấy giờ vua cha thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường ba tháng. Có một Tỳ-kheo tên là A lê mật la (Tấn nói là Thánh Hữu) ở trong ba tháng làm đàn việt lo chuyện đèn sáng, ngày ngày đi vào hoàng thành cầu xin cầu xin các thứ dầu –bác đèn đầy đủ. Lúc ấy con gái của vua tên là Mâu Ni, lên trên lầu cao trông thấy Tỳ-kheo này, ngày ngày đi vào Hoàng thành cầu xin tìm kiếm những thứ cần thiết, tâm sinh ra cung kính thương xót,

sai người đến hỏi nhu cầu những điều gì, Tỳ-kheo trả lời rằng: Nay trong ba tháng tôi lo chuyện đèn sáng cho đức Phật và chúng Tăng, cầu xin đàn việt các loại đồ dùng là dầu và bắc đèn. Người ấy trở về báo lại rõ ràng, con gái nhà vua hoan hỷ; từ nay về sau không phải đi xin, tôi sẽ cung cấp cho ông dầu và bắc đèn. Tỳ-kheo đồng ý. Thế là sau đó thường xuyên tặng cho dầu và bắc đèn đầy đủ. Tỳ-kheo Thánh Hữu tâm thành mang ân sâu nặng. Đức Phật thọ ký cho rằng: Ông đời vị lai trong A-tăng-kỳ kiếp, sẽ được làm Phật danh hiệu là định quang (Kinh khác gọi là Nhiên Đăng Phật). Con gái nhà vua là Mâu ni nghe Tỳ-kheo Thánh Hữu được thọ lý làm Phật, tâm tự nghĩ rằng: vật dụng đèn đuốc của đức Phật đều là vật của mình có Tỳ-kheo đã thọ ký chỉ có mình không được thọ ký. Dấy lên ý niệm này rồi hướng đến nơi đức Phật tự bày tỏ tâm tư của mình. Đức Phật tiếp tục thọ ký, bảo với mâu ni rằng: Con ở đời vị lai trong hai A-tăng-kỳ chín mươi một kiếp, sẽ được làm Phật danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni, có đầy đủ mười hiệu. Con gái nhà vua nghe vua thọ ký hoan hỷ phát tâm, hóa thành thân nam, tiếp tục lạy dưới chân đức Phật, cầu xin làm Sa-môn. Đức Phật tiếp nhận rồi tu tập tinh chuyên không nghỉ. Bởi vì xưa bố thí đèn sáng, từ đó đến nay không vô số kiếp, ở trên cõi Trời hay giữa loài người thọ nhận phước thiện tự nhiên, thân thể thù thắng siêu việt tuyệt vời khác người, cho đến bây giờ thành Phật, thọ nhận phước báo của nhân đèn sáng này”.

Lại trong kinh Thí Đãng công đức nói: “Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Hoặc có người ở trước hình tượng và tháp miếu thờ Phật mà thiết lễ cúng dường, cho nên dâng cúng đèn sáng, thậm chí dùng một ít đèn nến, hoặc là xoa dầu thấp nến mang đến dâng cúng, ánh sáng ấy chỉ soi chiếu một con đường-một bậc thêm. Nay Xá-lợi-phất! Phước đức như vậy không phải là tất cả Thanh văn-Duyên giác mà có thể biết được, chỉ riêng Phật Như lai nói có năng lực được. Cầu quả báo thế gian, phước đức hãy còn như vậy, huống hồ dùng tâm thanh tịnh vô cùng vui thích, liên tục không gián đoạn ý niệm về công đức của Phật? Soi chiếu một con đường-một bậc thêm mà phước đức hãy còn như vậy, huống soi sáng toàn bộ hết thảy bậc thêm-đường đi? Hoặc là hai-ba-bốn bậc thêm và đường đi, hoặc là thân tháp một bậc-hai bậc cho đến nhiều bậc, một phía, hai phía cho đến bốn phía, cho đến hình tượng đức Phật. Xá-lợi-phất! Ngọn đèn đã tắt ấy, có lúc mau tắt, hoặc gió thổi tắt, hoặc dầu cạn mà tắt, hoặc bắc đèn cháy hết mà tắt, hoặc tắt cả đều tắt hết, dâng cúng đèn sáng nơi tháp miếu thờ Phật trong chốc lát như vậy, bởi vì niềm tin Phật pháp Tăng, cho nên phước thiện dâng cúng một ít

đèn sáng như vậy, tích tụ phước đức hãy còn nhiều không thể tính được, huống là sau khi Ta diệt độ ở nơi chùa tháp thờ Phật, hoặc là tự mình làm-hoặc bảo người khác làm, hoặc thắp một ngọn đèn-hai ngọn đèn cho đến nhiều ngọn đèn, hương hoa chuỗi ngọc-phan lọng-cờ phướn phú quý, và các loại cúng dường tốt đẹp tuyệt diệu khác ư? Lại nữa, nếu có người ở nơi tháp miếu thờ Phật dâng cúng đèn sáng rồi, lúc sắp mạng chung có được ba loại sáng suốt. Những gì là ba loại? Một là lúc người ấy sắp mạng chung, phước thiện đã làm trước đây thày đều hiện rõ trước mắt, nhớ lại thiện pháp mà không quên mất, vì vậy niệm rồi làm cho tâm sinh ra phần chấn vui vẻ. Hai là nhân đây thuận tiện có thể niệm Phật-tâm có thể thực hành bố thí đạt được tâm hoan hỷ không có nỗi khổ của cái chết. Ba là nhân đây thì tâm có thể nghĩ đến giáo pháp. Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Người ấy lúc sắp mạng chung, lại được trông thấy bốn loại ánh sáng. Những gì là bốn loại? Một là lâm chung trông thấy vầng mặt Trời tròn đầy xuất hiện sáng rực. Hai là trông thấy vầng trăng tròn đầy trong sáng hiện bày. Ba là trông thấy chư Thiên cùng chung một xứ sở mà sanh ra. Bốn là trông thấy Đức Như lai Ứng Chánh biến Tri, an tọa dưới cội Bồ-đề đạt được Bồ-đề, tự thấy chính mình tôn trọng Như lai, chắp hai tay mà đứng hầu cung kính. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đối với tháp miếu thờ Phật dâng cúng đèn rồi, vào lúc lâm chung, được thấy bốn loại ánh sáng như vậy, chết rồi liền sanh lên cõi Trời 33; sanh đến cõi Trời ấy rồi, đối với năm loại sự việc mà được thanh tịnh. Một là được sức lực thanh tịnh, hai là ở giữa chư Thiên được uy đức thù thắng. Ba là thường được niệm tuệ thanh tịnh. Bốn là thường được nghe âm thanh thâm nhiếp ý. Năm là được quyến thuộc thường bảo vệ ý đó làm cho tâm được hoan hỷ. Ở tại cung Trời ấy bỏ mạng rồi, không rơi vào đường ác, sanh vào giữa loài người luôn luôn ở trong nhà tin thờ Phật pháp có dòng họ thuộc đẳng cấp cao nhất. Thời gian ấy nếu thế gian không có thật, cũng không sanh vào gia đình tà kiến hèn hạ, bởi bố thí đèn sáng nên lại được bốn loại pháp thật là vui vẻ. Những gì là bốn pháp? Một là sắc lực, hai là tiền của, ba là thiện tâm, bốn là trí tuệ. Nếu như người an trú trong Đại thừa, đối với tháp miếu thờ Phật cúng dường đèn sáng rồi, đạt được tám loại pháp thật là an lạc thù thắng. Những gì là tám pháp? Một là đạt được nhục nhãn thù thắng; hai là đạt được ý niệm thù thắng không thể nào suy lường được; ba là đạt được thiên nhãn thù thắng thanh tịnh, bốn là bởi vì tu tập đầy đủ đạo pháp cho nên giới không hề khiếm khuyết, năm là đạt được trí tuệ đầy đủ chứng đến Niết-bàn, sáu là trước đã làm những thiện nghiệp đạt được dễ dàng; bảy là

thiện nghiệp đã làm được gặp chư Phật, có năng lực làm ánh mắt cho tất cả chúng sinh, tám là nhờ thiện căn ấy được làm Chuyển-luân-vương, đã đạt được vòng xe quý báu không bị gì khác làm chướng ngại, thân ấy đoan chánh, thành hàng đế thích, có được uy lực to lớn đầy đủ mười loại nhân; hoặc là Phạm vương, khéo mở rộng việc làm cõi phạm đạt được Đại thiên định. Nay Xá-lợi-phất! Dùng thiện căn ấy hồi hướng cho chí nguyện Bồ-đề, đạt được tám loại pháp an lạc thù thắng này. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu như người ở trước Đức Như lai, thấy người khác cúng dường đèn sáng mà tin tâm thanh tịnh, chắp hai tay khởi tâm tùy hỷ, nhờ thiện căn này đạt được tám loại pháp Tăng thượng. Những gì là 8 pháp? Một là được Tăng thượng về sắc thân, hai là có được quyến thuộc Tăng thượng, ba là có được giới Tăng thượng, bốn là ở trong Trời người được sanh vào nơi Tăng thượng, năm là có được niềm tin Tăng thượng, sáu là có được biện giải Tăng thượng, bảy là có được Thánh đạo Tăng thượng, tám là đạt được A Nậu Bồ-đề. Đức Thế tôn lại bảo với Xá-lợi-phất: Có năm loại pháp rất là khó được. Một là khó có được thân người, hai là đối với chánh pháp của Phật khó có được niềm tin và niềm vui, ba là khó có được niềm vui xuất gia trong Phật pháp, bốn là khó có đủ giới pháp thanh tịnh, năm là khó có được lậu hoặc sạch sẽ. Tất cả chúng sinh đối với năm pháp này, nói là khó có được, mà các ông đã có được”. (Kinh này có một quyển, chỉ tóm tắt đoạn lấy lời chính yếu).

Trong kinh Đăng chỉ nói: “Xưa kia ở thành vương có 5 ngọn núi bao quanh, trong đó núi Ma Gia Đà là nơi thù thắng nhất. Những người có trí tuệ thù thắng tu phạm hạnh trong đó, đều trọn nơi này làm nơi trang nghiêm kỳ lạ nên sanh tâm hoan hỷ, từ nơi xa xôi mà đến quy tụ nơi này. Lúc bấy giờ trong thành có một Trưởng giả, nhà ấy rất giàu có kho tàng đều đầy ắp, giống như Tỳ Sa-môn. Nhưng mà không có con nối dõi, cầu nguyện thần linh mong mỗi có con nối dõi. Người vợ Trưởng giả không bao lâu thì cảm thấy có thai nghén, đầy mười tháng ròn sinh được một bé trai. Bé trai này đời trước vốn có gieo trồng nhân tố phước thiện, ngày mới sinh ra thì tay đưa bé có một ngón phát ra ánh sáng lớn chiếu sáng trong vòng mười dặm. Cha mẹ hoan hỷ liền quy tụ họ hàng thân thích và các thầy xem tướng, tổ chức bữa tiệc lớn đặt tên cho con. Dựa vào ngón tay phát ra ánh sáng, nên đặt tên là Đăng Chỉ. Những người đến dự tiệc nhìn thấy tướng trạng kỳ lạ ấy khen ngợi là điều chưa từng có. Lúc ấy trong bữa tiệc có Bà-la-môn tên là Bà Tu, biết nhiều hiểu rộng không có điều gì không biết, thấy đứa bé có tướng trạng vô cùng kỳ lạ nên mỉm cười mà nói: Đứa trẻ này hoặc là Thiên Tử

hay là các Đại Đức Thiên thuộc hàng Na La Diên-Thiên Đế-Thích đề hoàn nhân nhật đến hiện thân sanh ra. Lúc ấy cha mẹ đưa trẻ nghe lời này rồi hoan hỷ gấp bội phần, tổ chứa lễ hội bố thí lớn trong bảy ngày, cả nước nghe biết đến tận tai nhà vua. Nhà vua nghe rồi, lập tức truyền cho mang đến, Trưởng giả nhận lời bèn ẵm đưa bé đến cửa vương cung. Gặp lúc nhà vua đang tiệc rước nên tất cả không bấm báo được. Ánh sáng nơi ngón tay đưa bé soi chiếu khắp nơi, cung đình bỗng nhiên sáng rực hẳn lên, chiếu vào thân nhà vua và tất cả lầu đài cung điện, hết thấy mọi đồ vật nơi ấy đều trở Thánh sắc vàng chói lọi. Ánh sáng ấy soi chiếu mọi nơi ở trong vương cung. Nhà vua lúc ấy cảm thấy kỳ lạ bèn hỏi: Ánh sáng này từ đâu phát ra mà bỗng nhiên chiếu cung điện của Ta, lẽ nào không phải Đức Thế tôn muốn giáo hóa chúng sinh mà đến vương cung của Ta ư, lại không phải là các Đại Đức-Thiên đế-Thích đề hoàn nhân Nhật và các Thiên tử giáng trần mà đến chăng? Nhà vua liền sai người đi ra ngoài cổng xem xét. Người đi xem xét trông thấy rồi, quay vào thưa với nhà vua: trước đây đại vương đã truyền gọi đưa trẻ, nay ở ngoài cổng, đưa trẻ này tự mình đang ở trên vai người vú nuôi, ngón tay đó phát ra ánh sáng soi chiếu đến mọi nơi, cho nên có ánh sáng này. Nhà vua truyền lệnh cho người hầu rằng: Nhanh chóng mang đưa trẻ đến đây! Nhà vua đã trông thấy rồi, hết sức lạ lùng thay cho đưa bé này, tự mình nắm tay đưa bé và quan sát tướng trạng của đưa trẻ. Nhìn tỉ mỉ rồi trông thấy rồi bèn nói lời rằng; Lục sư ngoại đạo nói là không có nhân quả, thật là dối trá làm cho mê hoặc. Nếu không có nhân quả, thì tại sao đưa bé này có được ánh sáng như vậy? Lấy đây mà xét, thì các hạng ngoại đạo hãm hại các chúng sinh làm cho rơi vào đường ác, chắc chắn biết rằng đức bé này không phải là các Trời tự tại bỗng nhiên mà có, ắt phải nhờ vào phước thiện vốn có mới đạt được thiện căn này, mới biết lời đức Phật đích xác chân thật không hư dối mà lại không tu phước thì có gì quái lạ đâu! Nhà vua nói: Nay hãy còn chưa đích xác, ngón tay phát ánh sáng này hoặc là nhờ vào mặt Trời mà có ánh sáng này, hoặc nhờ vào mặt trăng mà có ánh sáng này, tất nhiên muốn nghiệm đúng điều này thì cần phải đợi đến nửa đêm! Đã đến hoàng hôn liền mang đưa bé, đặt trên lưng voi mà đi ở phía trước nhà vua dẫn quần thần cùng đi vào trong vườn, mà ngón tay đưa bé này tỏa sáng soi chiếu mọi nơi tối tăm đều sáng tỏ vô cùng, nhìn thấy chim thú hoa quả trong vườn không khác gì so với ban ngày. Nhà vua quan sát điều này rồi, than thở mãi rằng: Lời đức Phật đã nói thật sự kỳ diệu biết bao, Ta ở hôm nay đối với nhân, đối với quả phát sinh niềm tin rất kiên

định, hết sức xem thường lời nói ngu si mê muội của Lục sư. Vì vậy cho nên đối với Phật sanh lòng ngưỡng mộ gấp bội. Vào lúc ấy Kỳ Vực liền thưa với nhà vua rằng: Giả sử người nghèo khó hãy còn thuận theo dốc hết của cải mà tu thiện nghiệp, huống là người giàu có mà lại không thể làm phước ư? Trò chuyện xong trong chốc lát Trời đã sáng bình thường, trở lại dẫn Đấng Chỉ đi vào Vương cung. Nhà vua rất hoan hỷ, ban tặng nhiều ngọc ngà châu báu truyền lệnh đưa đưa bé về nhà.

Đặng chỉ dần lớn lên, cha mẹ tìm nơi cầu hôn cho con, lựa chọn gia đình cao quý xinh đẹp để cưới làm vợ cho con trai. Trưởng giả đã giàu có lại chu đáo trong lễ giáo, khuê môn hòa thuận tài sản lại hưng thịnh. Nói đến thịnh ắt có suy. Tụ hội thì sẽ có lúc chia ly, Trưởng giả và vợ cùng lúc qua đời, ví như mặt Trời đến lúc lặn xuống thì ánh sáng mờ khuất, như mặt Trời đã mọc thì trăng sáng không hiện bày, như ngọn lửa tàn thành tro thì lửa rừng rực mãi mãi tắt lịm; khéo mạnh hiểu sắc là căn bệnh làm cho hủy hoại, tuổi trẻ mạnh mẽ bị cái già làm cho suy sụp, thân mạng đáng yêu bị cái chết cướp đi, cha mẹ đã qua đời thì sinh kế dần dần giảm bớt, mà đấng Chỉ này tuổi trẻ lớn giàu có an nhàn, không nghĩ đến gia nghiệp, giao du cùng với bạn ác buông thả tâm ý, chìm đắm trong tửu sắc, chi dụng tiền bạc không có giới hạn, kho tàng tích trữ không có người quản lý giữ gìn, như trăng tròn đến lúc khuyết mờ thì chuyển sang mờ tối. Lúc ấy quy định trong nước hàng năm tổ chức một lễ hội lớn tập trung tại núi bàn châu, lúc này Đấng chỉ quần áo tươm tất theo chân mọi người đến nơi lễ hội ấy. Sau đó bọn trộm cướp biết Đấng Chỉ chưa về, đợi khi vắng người thì đi đến nhà đó trộm cắp lấy hết tất cả tiền bạc của cải. Đấng Chỉ đến tối trở về nhà, thấy trong nhà đã bị bọn cướp giặc lấy trộm sạch sẽ, chỉ còn lại các thứ gạch ngói gỗ đá, trông thấy sự việc nầy rồi, buồn rầu tuyệt vọng ngã nhào xuống đất, người bên cạnh lấy nước phủ vào mặt mới kinh hoàng tỉnh lại, ưu sầu khóc nỉ non mà nghĩ rằng: Cha mình xưa nay làm nhiều kế sách thích hợp, xây dựng lo liệu gia nghiệp tích góp vô cùng vất vả, kho tàng tài sản đều do cha mình làm ra, sinh và nuôi nấng mình thấy có của cải mà giao phó cho mình, làm sao đến đời mình không thể kế thừa sự nghiệp của cha, rong chơi lười nhác để người ta khinh khi chèn ép? Một khi tài sản còn lại của cha mất đi, kho tàng trống rỗng-gia sản tích góp phân tán sạch sẽ thì như thế nào? Đang lúc bây giờ ánh sáng nơi ngón tay cũng không còn, người vợ ngao ngán sự suy đồi nên bỏ mà đi, con cái-người làm tránh mất, bà con họ hàng đoạn tuyệt, người vô cùng thân thương trái lại giống như oán thù. Người nghèo túng giống như

thây ma trời dậy, mọi nỗi sợ hãi luôn luôn hủy hoại năm tháng quanh vinh sắc đẹp-sức lực-danh tiếng-dòng họ, địa vị-trí tuệ-nhân nghĩa-tình hành, tất cả có thể hủy hoại, nghèo hèn khốn khổ như mình ít người sánh được! Đang muốn xả thân nhưng không thể nào tự mình chết được, nên làm cách gì để tự cứu giúp cho mình? Lại dấy lên nghĩ rằng: Người thế gian xem thường chẳng qua là gánh vác thây chết, việc này tuy là tai ác nhưng không chung nghiệp nhận chịu đau khổ của cuộc đời. Có người nghe nói liền mượn gánh vác thây chết Đặng Chỉ nhận lời thặng thẩn tìm theo người ấy nói: Nhận vác thây người chết đi vào trong phần mộ! Ý sắp sửa ném xuống, lúc ấy thây người đã chết vội vàng ôm chặt Đặng Chỉ, ví như con trẻ ôm lấy cha mẹ mình, nắm chặt không buông ra, hết sức níu lại không thể nào đi được. Người chết dính chặt trên lưng giống như keo dán, không thể nào buông rời được, đẩy ra không rời được, thật là vô cùng sợ hãi. Dấy lên nghĩ rằng: Mình ở hôm nay, vai công xác chết này muốn sống nơi nào đây? Bèn đến thôn xóm của hạng Chiên-đà-la nói rằng. Ai có thể gỡ được xác chết trên lưng tôi, sẽ trở lại làm mượn cho nhau. Những người Chiên-đà-la nói rõ cùng nhau hết sức, cùng nhau kéo làm cho rời ra, nhưng cũng không chịu rời ra. Những người khác trông thấy mắng nhiếc Đặng Chỉ rằng: Này người điên cuồng vì sao công xác chết đi vào thôn xóm người ta? Tranh nhau dùng gạch đá gậy gộc mà đánh mà ném tới bởi, thân thể bị thương tổn vừa đau đớn vừa sợ hãi. Có người xót thương mang đến thành ấp của họ. Đã đến cổng thành, người giữ cổng chặn lại đánh mắng, không thể đến gần cổng thành, người này sao ngu si, công xác chết mà muốn đi vào thành? Tự thấy thân mình bị các loại gậy gộc đánh đập, thân thể đều bị rách nát nên lòng rất áo não, bèn cất tiếng khóc òa, bởi vì mình nghèo túng khốn khổ không chọn nơi làm việc, mà trở thành nghiệp báo hèn hạ này, làm sao bỗng nhiên lại gặp phải nỗi khổ độc địa này, thà rằng làm người chết thừa chứ không thể sống dựa vào xác chết! Vừa khóc vừa nói, lúc ấy người giữ cổng sanh tâm xót thương vô cùng, tha cho khiến trở về nhà. Đến ngôi nhà trống rỗng của mình, trước kia cùng với những hạng người nghèo túng xin ăn ở chung nơi này. Người cùng cư trú, từ xa trông thấy xác chết còn trên lưng người ấy, tất cả đều bỏ đi. Đã đến nhà rồi thì xác chết tự nhiên rơi xuống đất, lúc ấy Đặng Chỉ càng thêm sợ hãi nên bất tỉnh ngã nhào trên đất, hồi lâu mới tỉnh lại được, tìm thấy xác chết với những ngón tay toàn là vàng ròng. Tuy lại sợ hãi nhưng trông thấy đều là vàng tốt đẹp, bèn tiến lên phía trước nhìn xem, lấy dao cắt thử, thật sự là vàng ròng. Đã có được vàng rồi thì lòng

cảm thấy hoan hỷ, lại tiến tới cắt đầu cổ tay chân. Như vậy cắt xong, phút chốc sống lại. Trong chốc lát, đầu cổ tay chân bằng vàng tích góp lại thành con người, ví như vị vua mất nước trở về lại ngôi vị vốn có, như người mù có được đôi mắt nhìn thấy mọi vật rõ ràng: Đấng Chỉ hoan hỷ cũng lại như vậy, kho tàng châu báu ngọc ngà hơn hẳn bội phần so với trước kia, uy đũa danh tiếng có được vượt quá ngày xưa, họ hàng thân thích-bạn bè-vợ con- kẻ ăn người làm, tất cả đều quay trở lại, Đấng Chỉ than rằng: Chao ôi quái lạ thay! Giàu sang có sức mạnh to lớn, có thể khiến cho người thế gian trở về rất nhanh chóng. Chao ôi quái lạ thay! Nghèo hèn có sức mạnh to lớn, có thể làm cho những người thân thích xa rời mình rất mau lẹ. Trước kia lúc mình nghèo túng đâu thường có những người thân thích nào để giao du trò chuyện, hoàn toàn không có một người nào cùng với mình trò chuyện, hôm nay tất cả đều ngưỡng mộ hầu hạ chấp tay cung kính, giả sử nơi sanh ra giống như Thiên Đế Thích, sức lực mạnh mẽ như La Ma, sự thấy biết như bậc thầy cõi Trời, nếu như không có tiền bạc của cải cũng không có gì đáng giá. Người giàu có không cần hỏi lời ngu hay trí thì người ta đều nói là người tốt, thật sự không hề biết người thế nào là trí, cũng có được sức khỏe làm những điều thiện nổi tiếng, tuy là xấu xí thô lậu nhưng phụ nữ trẻ trung thích đến bên cạnh người giàu có.

Vua A-xà-thế nghe người đó giàu có trở lại, lập tức sai người đến lấy châu báu của người ấy; những vật lấy đi đều là người chết, trở lại ném vào trong nhà thì thấy đều là vàng ròng. Đấng Chỉ biết nhà vua muốn có được châu báu này, bèn lấy đầu cổ tay chân bằng vàng dùng để dâng tặng nhà vua. Nhà vua đã có được rồi ôm mà trở về cung. Sau đó Đấng Chỉ dấy lên tư duy mà nói kệ rằng:

*Ngũ dục Vô cùng tạm bợ,
Như điện chớp-như rấn độc
Vinh hoa không tồn tại lâu,
Tâm sanh chán ngán ưu sầu.*

Thế là đem ngọc ngà châu báu bố thí giúp cho mọi người, xuất gia cầu đạo ở trong Phật pháp, tinh cần tu tập đạt được quả vị A-la-hán. Tuy đạt được đạo Phật: Tỳ Kheo Đấng Chỉ, vì nhân duyên gì mà từ khi sanh ra đến nay có ngón tay phát sáng này? Vì nhân duyên gì mà nhận chịu sự nghèo túng khốn khổ này?

Lại vì nhân duyên gì mà có xác chết châu báu này thường đi theo bên cạnh? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Hãy chí tâm lắng nghe kỹ càng, Ta sẽ nói cho ông về túc duyên ấy! Tỳ-kheo Đấng Chỉ, chính là ở đời

xưa kia sanh trong nhà Đại trưởng lão thuộc nước Ba-la-nại, vì lúc còn trẻ thời cưỡi xe ở bên ngoài, dạo chơi đến tối mới về thì cửa nhà đã đóng, gọi lớn mở cửa nhưng không có người nào đáp lại, rất lâu người mẹ đến mở cửa cho con, tức giận mắng mẹ rằng: Cả nhà gánh người chết đi ư, giặc đến cướp bóc ư, vì sao không có người nào mở cửa cho con? Vì nghiệp duyên này chết đọa vào địa ngục nên trong sanh trong loài người nhận chịu sự nghèo túng khốn khổ này. Nhân duyên của ngón tay phát sáng và nhân duyên của xác chết châu báu, Ta sẽ tiếp tục nói cho ông! chín mươi một kiếp quá khứ có đức Phật danh hiệu Tỳ-bà-thi, sau khi đức Phật ấy nhập Niết-bàn, Phật pháp tồn tại giữa thế gian, lúc bấy giờ Đấng Chỉ là Đại Trưởng giả, nhà ấy rất giàu có, thường đến chùa tháp lễ lạy cung kính, trông thấy có pho tượng đất bị gãy mất một ngón tay, bèn dùng vàng mỏng sửa chữa ngón tay này. Sửa chữa đã xong, liền phát nguyện rằng: Con dùng nhân duyên công đức sửa chữa tay tượng cúng dường hương hoa kỹ nhạc, nguyện sanh trong loài người hay trên cõi Trời, thường được giàu sang cao quý, giả sử có mất mát vẫn được lại, khiến cho con ở trong Phật pháp được xuất gia đắc đạo. Bởi vì sửa chữa ngón tay tượng Phật, cho nên có được ngón tay phát sáng này và xác chết châu báu tích tụ. Bởi vì ác khẩu, cho nên từ địa ngục thoát ra thì chịu quả bảo bần cùng. Vì nhân duyên này nên ít gieo trồng phước nghiệp, đối với hình tượng đã có được phước báo này, cho đến hình tượng Niết-bàn hãy còn như vậy, huống là đối với pháp thân của Như lai ư?”

Trong kinh Thí Dụ nói: “Xưa thời đức Phật còn tại thế, Đại Mục-kiền-liên là đại đệ tử của đức Phật, vận thần thông đi đến cõi Trời Đao Lợi, vào trong vườn của Đế Thích đi khắp nơi ngắm nhìn, thấy một Thiên nữ hình dáng tướng mạo đoan chánh sáng ngời, chiếu soi rực rỡ siêu tuyệt so với mọi người. Mục Liên thấy rồi, bèn hỏi Thiên nữ: Thân trước kia của cô đã gieo trồng phước duyên gì, nay thọ nhận báo ứng kỳ diệu vô lượng như vậy? Thiên nữ đáp rằng: Thân trước kia của tôi lúc ban đầu làm người phục vụ trong cung của Bình Sa Vương, lúc ấy trong cung vua có Tinh xá của Phật, tôi luôn luôn về đêm đi vào thấy trong tháp Phật, tối tăm không có ánh sáng, tôi liền thấp đèn đặt trong Tinh xá, nhờ nhân duyên này nay nhận được báo ứng thân thể sáng ngời kỳ diệu như vậy, ở thiên Đường thọ nhận phước báo vui sướng không cùng tận”.

Lại trong kinh Thí Dụ nói: “Xưa thời Phật còn tại thế, đức hạnh trong các đệ tử tất cả không như nhau, như Xá-lợi-phất có trí tuệ bậc nhất, Đại Mục-kiền-liên có thần thông bậc nhất. Như A Na Luật có

thiên nhân bậc nhất, có năng lực thấy rõ tam thiên đại thiên thế giới, cho đến vi tế không có nơi sâu thẳm nào không nhìn thấy A nan thấy rồi bèn thưa với đức Phật rằng: A Na Luật này xưa kia có nghiệp gì mà thiên nhân vi diệu như vậy? Đức Phật bảo với A nan: Chính là chín mươi mốt kiếp quá khứ trước kia, sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, người này lúc bấy giờ thân làm giặc cướp, vào trong tháp Phật muốn lấy trộm đồ vật của tháp, lúc ấy đèn tháp trước Phật trong tháp Phật sắp tắt, kẻ trộm liền dùng mũi tên sửa lại đèn làm cho sáng lên, trông thấy uy quang của Phật nghiêm khắc mà sồn tóc gáy, thì tự nghĩ rằng: Người khác còn có thể xả bỏ đồ vật để cầu phước, mình vì sao lại lấy trộm? Nghĩ vậy rồi bỏ lại mà đi. Nhờ vào nhân duyên phước đức sửa lại bắc đèn, từ lúc ấy đến nay trong chín mươi mốt kiếp, luôn luôn sanh ở nơi tốt lành, dần dần bỏ những điều ác-phước thiên ngày càng Tăng thêm, nay được gặp Ta mà xuất gia tu đạo đạt được quả vị A-la-hán, ở giữa mọi người có thiên nhân bậc nhất nhìn thấy thấu suốt tất cả, huống là có người chí tâm cắt bỏ, thắp đèn trước đức Phật đã đạt được phước đức khó có thể tính kể”.

Lại trong Trí Độ Luận nói: “Nếu như người trộm cắp châu ngọc trong tháp Phật và trộm cắp đèn sáng thì chết đọa vào địa ngục. Nếu thoát ra làm người thì đời sanh ra trong cảnh mù lòa”.

Trong kinh Quán Đảnh nói: “Bồ-tát Cứu Thoát thưa với đức Phật rằng: Nếu như họ hàng trai gái, có ai bệnh hoạn nằm liệt giường hết sức khổ sở không có người cứu giúp, nay con sẽ khuyến thỉnh các chúng Tăng, bảy ngày bảy đêm trai giới nhất tâm, thọ trì tám cấm giới hành đạo suốt sáu thời, đọc tụng kinh điển này bốn mươi chín biến, khuyến khích thắp tháp đèn bảy tầng treo thân phan tục mạng năm màu. A nan hỏi rằng: Đèn-phan tục mạng có pháp tắc thế nào? Thân phan năm màu dài bốn mươi chín thước, đèn cũng lại như vậy, tháp đèn bảy tầng-một tầng bảy ngọn đèn, đèn giống như vòng xe. Nếu gặp phải ách nạn giam vào lao ngục gông xiềng ràng buộc thân thể, cũng nên tạo ra phan-đèn thả các loại chúng sinh, đến 49 ngày có thể vượt qua được ách nạn nguy hiểm, không bị các loại ác quỷ hung bạo nắm giữ”.

Còn trong kinh Siêu Nhật Minh Tam Muội nói: “Nhật Thiên vương cùng với vô số người cõi Trời, đi đến nơi Phật cúi đầu lạy thưa rằng: Dùng những công hạnh nào được làm Nhật thiên chiếu rọi khắp thế giới, lại vì duyên gì mà làm nguyệt Thiên Chiếu rọi trừ diệt đêm đen tăm tối? Đức Phật dạy: Có bốn sự việc, một là luôn luôn ưa thích bố thí, hai là tu thân cẩn thận việc làm, ba là tôn thờ giới pháp không

phạm, bốn là thấp đèn ở trong chùa tháp thờ Phật. Nếu như đối với cha mẹ-Sa-môn-người tu đạo thì đều gieo trồng duyên tố sáng ngời, đồng thời thân-khẩu-ý thực hành mười điều thiện như không sát-đạo-dâm... Đức Phật dạy: Lại có bốn sự việc được làm Nguyệt Vương, một là bố thí cho người nghèo khó thiếu thốn, hai là vâng mạng giữ gìn năm giới, ba là cung kính tôn thờ Tam Tôn, bốn là âm thầm bố thí trí đèn sáng cha mẹ, thầy dạy, người bề trên..”

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: “Đức Phật dạy: Từ hôm nay nghe công đức thấp đèn, thì nên đặt lửa một bên theo thứ tự mà thấp. Nên trước tiên thấp để soi sáng Xá-lợi và kinh tượng đức Phật. Trước khi lễ lạy xong, nên ra ngoài lần lượt thấp những nơi khác. Lúc tắt không được tắt hết, nên nói các Đại Đức sắp tắt đèn, không được dùng miệng thổi tắt (Nghĩa nói là có loài sâu ăn tàn lửa, sợ rằng hơi miệng của người làm tổn ạii côn trùng, cho nên không được dùng miệng thổi tắt), tùy ý dùng tay quạt tắt và tà áo để quạt tắt. Nên nán lại chuyển đầu cháy để gạt bớt tàn lửa, lúc đi vào không được bất ngờ đi vào, nên nói to rằng các Đại Đức sắp đi vào mới được đi vào. Nếu không như vậy thì vượt qua pháp tắc oai nghi”.

Lại trong tam Thiên Oai Nghi nói: “Thấp đèn có năm sự việc: Một là nên cầm khăn sạch lau trong ngoài làm cho sạch sẽ, hai là nên làm bắc đèn sạch sẽ, ba là nên tự mình pha dầu vào đèn, bốn là pha dầu không được làm cho đầy tràn cũng không được làm cho thiếu hụt, năm là nên giữ gìn khiến cho chắc chắn đừng treo cao làm trở ngại đến người khác hành đạo”.

Lại trong Ngũ Bách Vấn nói : “Nối tiếp ánh sáng của Phật thì ban ngày không được tắt, Phật không có sáng-tối bởi vì căn bản là vô ngôn, nghĩ đến giới hạn như nhau cho nên tắt thì có tội”.

Còn Đại Đường Tam Tạng Ba Pha Sư nói: “Đèn trước Phật không có nơi lấy đèn, dùng vật bên cạnh lấy mà không làm giảm ánh sáng thì được”. Tụng rằng:

*Ngó sen cây lá giao nhau không cùng tận
 Hoa thơm may cuộn làm y đến mấy tầng
 Mành trúc dệt lại có thể trở thành voi
 Lau sậy bó chặt khéo léo chuyển thành rồng
 Tro tàn rơi xuống châm ngọn lửa nồng nàn
 Chén dầu thành ý thấm đượm tựa núi cao
 Cung điện cõi Trời nếu như luôn soi chiếu
 Đăng Vương phước thiện lại có thể gặp nhau.*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra ba chuyện: 1- Sa-môn Thích Đạo Quýnh thời Tống; 2- Sa-môn Thích Pháp Thuần thời Tùy; 3- Thần đấng ở chùa Tam Học vùng Hán Châu thời Đường .

1: Thời nhà Tống trong chùa Nam Giải chốn kinh sư, có Sa-môn Thích Đạo Quýnh, họ Mã người vùng phù phong. Lúc mới xuất gia làm đệ tử của Đạo Ý, Đạo Ý bệnh nên thường khiến Đạo Quýnh cùng bốn người, đến vùng Hoắc Sơn-Hà Nam hái Chung Nhũ (Thạch nhũ). Đi vấp hang đá mấy dặm ngồi trên cây gỗ vượt qua dòng nước thì có ba người bị chìm mà chết, ngọn đuốc lại không còn. Đạo Quýnh chắc chắn không có lý nào qua khỏi. Đạo Quýnh thường ngày tụng kinh Pháp Hoa, chỉ dốc lòng nhờ vào nghiệp này, lại còn niệm Bồ-tát Quán Âm. Một lúc sau trông thấy một vật sáng giống như ánh sáng đom đóm, đuổi theo không kịp được, tức thì thoát ra ngoài hang tối. Sau đó tiến tới tu tâm Thiền Nghiệp tiết hạnh càng khác hẳn nhiều lần thực hành mấy lượt Phổ Hiền trai, đều có những cảm ứng tốt lành, có lúc thấy Hồ Tăng đi vào chỗ ngồi, có lúc thấy người cưỡi ngựa đến, chưa kịp trò chuyện thăm hỏi nhau, chốc lát không còn trông thấy. Sau đó cùng người đồng học đi về phía Nam lên kinh thành tìm hiểu thêm về phong hóa, ban đêm đi trên băng lạnh vượt qua sông, giữa đường băng vỡ nên ba người chìm xuống đã chết. Đạo Quýnh lại quy tâm chân thành niệm Bồ-tát Quán Âm, thế là cảm thấy dưới chân giống như có một vật gì mềm ấm, lại trông thấy ánh sáng màu đỏ trước mặt, nhờ ánh sáng đến được bờ bình yên. Đến kinh đô ở lại trong chùa Nam Giải, thường dùng bàn Châu làm sự nghiệp, đã từng giữa đêm nhập thiền bỗng nhiên trông thấy bốn người, đánh xe đến trước phòng gọi to khiến lên xe. Đạo Quýnh bỗng nhiên không tự mình cảm giác được, đã thấy thân mình ở giữa cầu phía sau quận, thấy một người ở bên đường đang ngồi yên lặng, xung quanh có mấy trăm người hầu hạ. Trong thấy Đạo Quýnh thì giật mình đứng dậy nói: Người ngồi thiền mà thôi. Người ấy nhân đó nói với mọi người rằng: Xưa nay chỉ khiến tìm biết nơi chốn mà thôi, sao bỗng nhiên làm phiến đến Pháp Sư? Ngay sau đó lễ lạy xin chia tay, sai người đưa tiễn Đạo Quýnh. Trở về chùa gõ cửa, rất lâu cửa mới mở, đi vào chùa thấy phòng mình hãy còn đóng, mọi người đều không biết sự việc như thế nào. Năm thứ hai mươi niên hiệu Nguyên Gia thời Tống, Lâm Xuyên-Khang Vương-Nghĩa Khánh đưa đến Quảng Lăng, qua đời ở vùng ấy.

Câu chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng truyện.

2: Sa-môn Thích Pháp Thuần ở chùa Tịnh Trú vùng Tây Kinh thời

nhà Tùy học Chúc Thị-người vùng Thỉ Bình-Phù Phong. Tánh thích núi rừng yên lặng, tình cảm thiết tha cứu giúp mọi người. Đã từng ở nơi đạo tràng thấp đèn, liền cảm ứng đèn sáng liên tục không tắt trải qua bảy đêm, không thêm dầu-bấc mà ánh sáng rực rỡ gấp bội thường ngày. Riêng mình bí mật lạ kỳ, là tướng tốt đẹp của sự diệt trừ ác nghiệp vậy. Còn hũ dầu đã đặt ở trong điện Phật, bỗng nhiên không thấy, mới qua đêm sau trở về lại chỗ cũ, mà dầu đầy như cũ. Mỗi khi vào đêm khuya yên lặng nghe có tiếng thuyết pháp giảng dạy, hương thơm kỳ lạ theo khe hở lan tỏa ra ở bên ngoài, đến mà nhìn thì chỉ một mình chứ không thấy gì khác, người biết thì cho rằng vốn là những người thần bí sâu kín cùng nhau quy tụ. Đến năm thứ ba niên hiệu Nhân Thọ thì cảm thấy không khỏi bệnh, đóng phòng tịnh tọa mà không có gì đau đớn, Đồng tử áo trắng tay nâng ánh sáng đứng hầu ở bên phải, đệ tử là Tuệ Tiến đi vào hỏi: Đây là người nào? Đáp rằng: Là người ở cõi Trời Dục thứ sáu nhiều lần đến khuyên nhắc ta, nhưng vì các Trời say đắm dục lạc cho nên cuối cùng không đồng ý, bởi vì làm trở ngại cho sự tu đạo, thường nguyện đến nơi nào không có Phật pháp để giáo hóa chúng sinh, cần thận đừng nói rõ ràng! Sau khi mất môn đồ hãy thiết trai tu phước! Đạo tục tề tựu cùng ở trước Pháp Thuần, có đôi chim bồ câu bay đến thẳng vào trong phòng Pháp Thuần, đậu trên xà ngang mắc y chăm chú nhìn Pháp Thuần, tuy người ta chạm tay nắm giữ mà cũng không có gì sợ hãi. Pháp Thuần nói: Để mặc nó đừng nắm giữ, đến chiều ta mới ra đi. Từ biệt với mọi người, không còn nghĩ gì khác, tạ thế tại chùa Tịnh Trú, hưởng thọ tám mươi lăm tuổi, nhằm ngày mười hai tháng năm năm thứ ba niên hiệu Nhân Thọ nhà Tùy.

3: Thời đời Đường có chùa Tam Học ở vùng Hán Châu Thục Xuyên, đến năm thứ mười hai niên hiệu Khai Hoàng nhà Tùy, bức tường phía Đông của chùa có dấu tích đức Phật hiện rõ ra, dài một thước tám tấc, rộng bảy tấc, cùng có ngọn đèn thần kỳ từ hư không mà hiện bày, hằng đêm thường như vậy, đến ngày trai thì nhiều hơn. Có vị Quan đứng đầu Châu ý muốn tìm đến nơi ấy, cưỡi ngựa đến chùa. Ở ngoài mười dặm thì thấy đèn giữa hư không bày ra càng gần càng mờ, liền đồng thời mất hút. Quay trở lại mười dặm như trước thì vẫn hiện rõ ra. Cho đến bây giờ vẫn không hết. Ban đầu xuất hiện một ngọn đèn rất lớn, từ ngọn đèn lớn này phân tán ra bốn phía hư không nhìn thấy có hơn một ngàn ngọn đèn xuất hiện, gặp gió nổi lên thổi mạnh thì những ngọn đèn nhỏ này vẫn tắt, tắt hết ngọn đèn lớn vẫn xuất hiện, những ngọn đèn nhỏ phân tán khắp bốn phía hư không mãi đến lúc Trời sáng

mới tắt. Hằng tháng vào sáu ngày trai thường xuất hiện như vậy. Đến cuối niên hiệu Trinh Quán, có vị Tăng tên là Pháp Tạng, lấy sự cầu xin làm tâm mà không giữ gìn tế hạnh, đêm ngủ trong chùa, có vị thần cao lớn mặc áo giáp đội mũ lông chim, từ trong cửa lòi ra ném cách xa chùa bảy dặm, bị thương ở chân mà không những nơi khác không hề tổn hại. Đêm đến vẫn trở lại chùa, mà cửa ngõ đóng lại. Sau đó liền thay đổi cố gắng tu trì tinh cần đạo nghiệp.

Câu chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng truyện.

Căn cứ vào Đạo Tuyên Luật Sư Cảm Thông Ký nói: “Luật Sư hỏi người cõi Trời: Đền giữa hư không thường chiếu sáng vùng chùa Tam Học ở Hán Châu thuộc đất Thục Xuyên ấy do đâu mà có? Đáp rằng: Núi ấy có chùa Bồ-tát, bắt đầu thành lập từ thời chánh pháp của Phật Ca-diếp, có Bồ-tát Hoan Hỷ tạo nên, chùa tên là Pháp Đăng. Từ lúc ấy cho đến bây giờ thường soi sáng bầu Trời là biểu thị có ba trăm vị Bồ-tát nhỏ quyết định từng vị có tuổi cao nhất thường trú tại đây. Đền này ở tại núi lại là Sơn Thần Lý Đặc nối tiếp về sau để cúng dường (Lý Đặc xưa kia là chủ nước Thục), cho nên đến tháng Giêng khắp nơi đều thắp đèn để cúng dường Chùa tháp thờ Phật”.

